

VĂN HỌC YÊU NƯỚC THỜI TRUNG ĐẠI

1. Chủ nghĩa yêu nước trong văn học từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX

- Các tác phẩm ra đời trong một thời kì lịch sử có nhiều chiến công hiển hách của dân tộc ta trong sự nghiệp chiến đấu bảo vệ đất nước, phá Tống, bình Nguyên, đuổi Minh qua các trận chiến: Như Nguyệt, Bạch Đằng, Chi Lăng với những tên tuổi chói lọi của các anh hùng Lí Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Lê Lợi,...

- Trong bối cảnh lịch sử ấy, văn học thể hiện sâu sắc tinh thần yêu nước, ý thức độc lập tự chủ, ý chí quật khởi chống ngoại xâm, lập chiến công lừng lẫy, đuổi giặc ra khỏi bờ cõi của dân tộc ta.

- Yêu nước là yêu vua bởi vua là tượng trưng cho đất nước, là căm thù giặc sâu sắc, là xây dựng đất nước hoà bình, là và tinh thần quật khởi chống xâm lược, là ý chí chiến đấu kiên cường.

- Những biểu hiện cụ thể:

* *Nam quốc sơn hà của Lí Thường Kiệt:*

+ Tự hào về chủ quyền đất nước “*Sôngở*” -> “nước nam, vua Nam”-> khẳng định nền độc lập và chủ quyền của dân tộc VN => đánh đổ quan niệm của bọn pk phương Bắc coi VN như một quận, một châu của chúng, vua VN là do chúng lập ra. Hiện tại VN đã hoàn toàn độc lập, tự chủ, vua VN cũng là Hoàng đế nước Nam như Hoàng đế TQ -> VN hoàn toàn bình đẳng với TQ. Đó là một lời khẳng định đanh thép, có chứng cứ, có cơ sở “*Rành.....trời*”: Trời đã quy định nên kẻ nào nghịch mệnh trời sẽ bị trừng trị.

+ Tự hào về khả năng chiến đấu và chiến thắng của dân tộc VN “*Như.....hư*”. Yêu nước LTK tự hào và dũng cảm tuyên bố về nền độc lập và chủ quyền công khai trước áp lực của giặc Tống, đồng thời thể hiện quyết tâm sắt đá và bản lĩnh để báo trước bản án tử hình đối với kẻ thù xâm lược.

* *Thuật Hoài của Phạm Ngũ Lão:*

+ Tự hào về sức mạnh toàn quân, tự hào về đóng góp của trai đời Trần và công cuộc kháng chiến chống quân Nguyên, tự hào vì được góp sức bảo vệ non sông, góp sức làm nên chiến thắng hào hùng cho triều đại, cho dân tộc.

+ Yêu nước thể hiện qua tinh thần chiến đấu, niềm tự hào thể hiện qua sự trăn trở, khát vọng của chính bản thân tác giả.

** Bạc Đằng giang phú của Trương Hán Siêu:*

- Yêu mến và tự hào về vẻ đẹp của non sông đất nước :

+ Tự hào về dòng sông lịch sử: Nơi ghi dấu chiến thắng ba lần oanh liệt chống ngoại xâm:

☐ Ngô Quyền thắng quân Nam Hán

☐ Lê Hoàn thắng Tống

☐ Nhà Trần thắng Nguyên.

+ Tự hào về vẻ đẹp nên thơ của dòng sông lịch sử : *“Bát ngát sóng kinh muôn dặm - Thướt tha đuôi trĩ một màu - Nước trời một, phong cảnh ba thu – Bờ lau san sát bến lách đều hiu..”* và nơi chiến địa buổi *“Trùng Hưng nhị thánh bắt Ô Mã”*

+ Tự hào về sức mạnh của quân dân nhà Trần, ông đã dựng lại bức tranh về cuộc thư hùng trên sông BD với những đường nét kì vĩ, màu sắc tươi tắn rực rỡ, hào khí ngất trời: *“Đương khi ấy.....giáo gươm sáng chói”*

+ Tự hào khi đất nước sạch bóng quân thù, mở đầu xây dựng một giai đoạn hoà bình : *“ Giặc tan muôn thuở thanh bình – Bởi đâu đất hiểm cốt mình đức cao”*

+ Say mê cảnh đẹp , thích thú du ngoạn khắp nơi để tìm hiểu quê hương đất nước *“Mà tráng chí bốn phương vẫn còn tha thiết...Học Tử Trường chừ thú phiêu diêu... Qua cửa Đại Than ngược bến Đông Triều, đến sông Bạch Đằng”*

+ Nghẹn ngào khi nhớ về những anh hùng đã chiến đấu bảo vệ đất nước, nhất là người chủ tướng Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn: *“Thương nỗi anh hùng đâu vắng tá”*

+ Yêu nước là yêu vua, yêu chủ tướng -> ngưỡng mộ và khâm phục hai vua *“Anh minh hai vị thánh quân”*, biết ơn Trần Hưng Đạo cũng như các vị anh hùng dân tộc đã làm nên chiến thắng:

“Cũng là nhờ trời đất cho nơi hiểm trở

Nhân tài giữ cuộc điện an...

Trận Bạch Đằng mà đại thắng

Bởi Đại Vương coi thế giặc nhàn.

+ Cầm ghét khinh bỉ quân xâm lược “*Mà nay nước sông tuy chảy hoài – Mà nhục quân thù khôn rửa nổi*”

=> Bài phú là bài ca ca ngợi đầy hào hứng về dòng sông huyền thoại Bạch Đằng Giang, là bản hùng ca, cũng là bản tình ca về tình yêu nước và tự hào dân tộc.

** Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn*

- Cầm thù giặc sâu sắc:

+ Lên án bọn giặc xâm lược với thái độ sục sôi, coi giặc như cú điều, dê chó, hổ đói “*Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn tác lưỡi cú điều mà sủi mắng triều đình, đem tấm thân dê chó mà bắt bạt tể phụ.*”

+ Lời tâm sự : “*Ta thường.....vui lòng*”

+ Khích lệ tinh thần quân sĩ

**Phò giá về kinh của Trần Quang Khải*

- Tự hào về những chiến công lừng lẫy: “*Chương Dương cướp giáo giặc*

Hàm Tử bắt quân thù

- Mong ước giang san bền vững muôn đời:

Thái bình nên gắng sức

Non nước ấy ngàn thu.

**Tỏ lòng của Phạm Ngũ Lão*

- Tự hào về chí khí hào hùng của tướng lĩnh và khí thế ngất trời của ba quân đời Trần:

Múa giáo non sông trải mấy thu

Ba quân khí mạnh nuốt trôi trâu

Công danh vương tử còn vương nợ

Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ Hầu.

- Khát vọng lập công, công hiến tài năng cho sự nghiệp độc lập dân tộc.

** Bình ngô đại cáo của Nguyễn Trãi:*

- Cầm thù giặc, NT miêu tả kẻ thù như một bầy dã thú “*Thằng há ...chán*”

- Thương dân điêu linh vì giặc đầy đoạ, vợ vét, khủng bố, tàn sát : “*Ngâm thù lớn ... sống*”

- Vì dân mà diệt bạo: “*Việc nhân nghĩa.....trừ bạo*”

- Ý thức độc lập tự cường: đau lòng nhức óc, mưu tính việc khôi phục nền độc lập cho nước nhà “*Những trần trọc....đồ hồi*”
- Ý chí kiên cường dũng mãnh của nghĩa quân Lam Sơn: “*Guom mài đá...cạn*”
- Tấn công giặc như vũ bão lập nên những chiến công hiển hách: “*Đánh mộtcon gió to quét sạch lá khô....vỡ*”

2. Nhận xét về giai đoạn văn học từ thế kỉ X đến thế kỉ XV, sách Văn học 10, tập 1 viết: “Các nhà văn nhà thơ tiêu biểu của văn học giai đoạn này, bất luận là nhà nho hay nhà sư, hầu hết là những người có tham gia cuộc chiến đấu chống ngoại xâm, và tác phẩm tiêu biểu của họ cũng là những tác phẩm viết về cuộc đấu tranh chống ngoại xâm... Bằng sự hiểu biết của mình về thơ văn giai đoạn này, hãy chứng minh ý kiến trên.

*** Gợi ý:**

- Các nhà văn, nhà thơ của giai đoạn văn học từ thế kỉ X đến XV là những người trực tiếp tham gia chiến đấu chống xâm lược để bảo vệ chủ quyền dân tộc □ đề tài chống ngoại xâm đã trở thành đề tài chủ yếu trong tác phẩm của họ. Cảm hứng thời đại của hào khí Đông A, của một thời Lam Sơn khởi nghĩa là chất men say, nguồn hiện thực giúp họ sáng tạo nên những tác phẩm bất hủ của mọi thời đại: Bài thơ “*Thần*” tương truyền của Lý Thường Kiệt, “*Hịch tướng sĩ văn*” của Trần Quốc Tuấn, “*Bình Ngô đại cáo*” của Nguyễn Trãi,...thơ Phạm Ngũ Lão, Trần Quang Khải, Trương Hán Siêu, Đặng Dung...tất cả đã tái hiện “không khí anh hùng của một thời đại anh hùng”, những anh hùng bất khuất chống ngoại xâm bảo vệ đất nước.

* Bài thơ “*Thần*” tương truyền của Lý Thường Kiệt- bản “Tuyên ngôn độc lập” đầu tiên, khẳng định sức mạnh của đất nước Đại Việt:

+ Với sức mạnh của quân và dân nhà Lý, chiến thắng trên sông Như Nguyệt là nguồn thi hứng mãnh liệt làm tiền đề cho bản tuyên ngôn đầu tiên “Nam quốcthủ bại hư”

+ Có hiểu được nỗi khổ nhục của một ngàn năm Bắc thuộc mới hiểu hết được sự sáng khoái, niềm tự hào của bài thơ “*Sông núi nước Nam....đánh toi bời*”
=> hùng khí của bài thơ vút lên tận trời, nó không chỉ làm hoảng kinh nể thù mà còn là một niềm động viên, cổ vũ tinh thần chiến đấu của tướng sĩ.

* Bài “*Hịch tướng sĩ*”- sức mạnh được nhân lên gấp bội:

+ Hiện thực lớn lao của ba lần kháng chiến đánh tan Nguyên – Mông đã được tái hiện. Hiện thực đó là bức tranh toàn cảnh tác động lớn lao đến quân dân nhà Trần, nó biến thành lòng căm thù quân cướp nước: *“Ta thường.....cũng vui lòng”*

+ Không có sức mạnh của trận “Bạch Đằng “sấm vang chớp giật” ko thể có một âm điệu như thế trong “Hịch tướng sĩ”. Mục đích của bài hịch là khích lệ tinh thần tướng sĩ nhà Trần, cơ sở của sự khích lệ vẫn là sức mạnh long trời lở đất của những chiến thắng trước, đó là cơ sở để Trần Quốc Tuấn gọi sứ giả của cường địch phương Bắc là “cú điều”, “dê chó”: *“Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn tác lưỡi cú điều mà sỉ mắng triều đình, đem tấm thân dê chó mà bắt bạt tể phụ”*

+ Hiểu được tương quan lực lượng, binh mã giữa ta và kẻ địch, tầm vóc của quân đội nhà Nguyên với thế giới, ta mới thấy hết giá trị của những từ xưng hô đầy khinh miệt, mang tính chiến đấu cao của bài hịch

- Sức mạnh của lời động viên, khích lệ đã thành hiện thực. Quân đội nhà Trần đánh tan quân Nguyên lần thứ ba. Trần ngập trong văn thơ giai đoạn này là cảm hứng tự hào về sức mạnh của một thời đại anh hùng chống ngoại xâm.

* Bài “*Phú sông Bạch Đằng*” của Trương Hán Siêu đã mở đầu cho bản đại hùng ca của thời đại.

+ Bài phú là một bản tổng kết vĩ đại về sức mạnh chiến thắng của quân dân ta với kẻ thù xâm lược *“Đây là chiến địa buổiGiáo gươm sáng chói”*

+ Lời phú sáng khoải mà tha thiết, rực lửa chiến thắng mà vẫn chứa chan nhân nghĩa. Đó cũng là sức mạnh chiến thắng, lí tưởng sáng ngời của một đất nước luôn luôn bất khuất chống ngoại xâm.

* Thơ của Phạm Ngũ Lão và Trần Quang Khải – những danh tướng nhà Trần vừa rời tay gươm, đã không ngăn cảm xúc, cầm bút hòa chung vào bản hợp xướng vĩ đại của đất nước:

+ Trong “*Tụng giá hoàn kinh sư*” tác giả viết *“Đoạt sóc Chương Dương độ.....Vạn cổ thử giang san”*

+ Trong “*Thuật hoài*” của Phạm Ngũ Lão: từ những chiến thắng, từ hình ảnh những người anh hùng thời đại, ông đã khắc tạc trong thơ tượng đài kì vĩ của người nam nhi mang lí tưởng chống giặc ngoại xâm: *“Hoành sóc...Vũ Hầu”*

=> Đó là hình ảnh chung của người VN trên con đường gian khổ để giữ gìn giang sơn gấm vóc. Hình ảnh này tiêu biểu cho vẻ đẹp thời đại, nó có giá trị khởi đầu để sau đó xuất hiện những hình ảnh kế tục trong thơ ca

* Trong *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi – hình ảnh chiến đấu và chiến thắng:

+ Mười năm trường kì gian khổ, nếm mật nằm gai, mười năm “ngầm thù lớn há đội trời chung” đã hun đúc nên sức mạnh long trời lở đất của nghĩa quân Lam Sơn trước “quân cuồng Minh”. Nếu bài thơ “Thần” của Lí Thường Kiệt là bản tuyên ngôn độc lập lần thứ nhất thì *Bình Ngô đại cáo* là bản tuyên ngôn độc lập lần thứ hai của dân tộc – bản tổng kết mười năm anh dũng, gian khổ chống giặc, mở ra một kỉ nguyên mới cho tương lai đất nước. Hiện thực đã thổi vào thơ văn những luồng gió làm bùng sáng ngọn lửa tiêu diệt kẻ thù: “*Đánh một trận....chim muông*” để rồi “*Tướng giặc bị cầm tù.....hiếu sinh*”

+ Trong “*BNĐC*” niềm tự hào và tinh thần dân tộc đã lên đến đỉnh cao. Cùng với những áng thơ văn chiến đấu đời Lí, Trần, tác phẩm là một tập đại thành cho phép chúng ta nghĩ rằng âm điệu chiến đấu và chiến thắng là âm điệu chủ yếu của giai đoạn văn học này.

=> Từ thế kỉ X đến XV là thời đại mà mọi tác phẩm, trước hiện thực lớn lao của đất nước, đã hòa chung một điệu, tạo nên một khúc anh hùng ca chiến đấu và chiến thắng của một thời đại anh hùng.

3. Hãy chứng minh rằng nội dung chủ yếu của văn học từ thế kỉ X đến XV là tinh thần yêu nước, tinh thần quật khởi chống xâm lược.

* **Gợi ý:**

- **Khái quát:**

+ Từ khi Ngô Quyền đánh đuổi quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng năm 938, dành được nền độc lập, tự chủ, dân tộc ta không ngừng đấu tranh anh dũng bảo vệ đất nước suốt mấy thế kỉ.

+ Trong bối cảnh lịch sử đó, văn học từ thế kỉ X đến XV đã thể hiện sâu sắc tinh thần yêu nước, tinh thần quật khởi chống xâm lược của dân tộc ta.

- **Phân tích, chứng minh:**

* *Tinh thần yêu nước:*

- Thế kỉ X đến XV là thời kì lịch sử có nhiều chiến công hiển hách của dân tộc ta trong sự nghiệp chiến đấu bảo vệ đất nước: phá Tống, bình Nguyên, đuổi Minh qua các trận chiến Như Nguyệt, Bạch Đằng, Chi Lăng, với những tên tuổi chói lọi của các anh hùng Lí Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Lê Lợi.

- Nội dung văn học thời kì này phản ánh tinh thần yêu nước với những biểu hiện cụ thể:

a) *Yêu nước là thương dân, vì dân diệt bạo:*

- Trước hết là lòng căm thù giặc sâu sắc:

+ *Hịch tướng sĩ* lên án bọn giặc xâm lược với thái độ sôi sục, coi giặc như *cú điều, dê chó, hổ đói*, trực tiếp bộc lộ nỗi căm hờn của chủ tướng “*nửa đêm vỗ gối.....quân thù*”

+ *Bình Ngô đại cáo* cũng miêu tả giặc như một bầy dã thú “*thằng há miệng.....răng*” để tàn hại nhân dân ta.

- Thương dân điêu linh vì giặc đầy đọa, vợ vết, khủng bố tàn sát nên người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã:

Ngấm thù lớn.....không cùng sống

- Đề vì dân mà diệt bạo:

Việc nhân nghĩa.....lo trừ bạo

(Bình Ngô đại cáo”

b) *Yêu nước là xây dựng đất nước hòa bình:*

- Mong ước giang san bền vững muôn đời:

Thái bình nênngàn thu (Phò giá về kinh)

- Tự hào khi đất nước sạch bóng quân thù, mở đầu một giai đoạn xây dựng hòa bình:

Muôn thở nên thái bìnhnhục nhĩ sạch lâu

(Đại cáo bình Ngô)

**Tinh thần quật khởi chống xâm lược*

a) *Ý thức độc lập tự chủ và tinh thần quật khởi chống xâm lược:*

- Thể hiện qua lời cảnh cáo bọn giặc cướp nước:

Cớ sao lũ giặctôi bời

(Sông núi nước Nam)

- Thể hiện qua lời hịch của Trần Quốc Tuấn *quyết bêu đầu Hốt Tất Liệt ở cửa khuyết, làm rửa thệ Vân Nam Vương ở Cảo Nhai*, qua chí khí hào hùng của tướng lãnh, hào khí ngất trời của ba quân nhà Trần:

“Múa giáo non sôngthôn ngư”

(Tỏ lòng)

- Thể hiện nỗi đau lòng nhức óc, mưu tính việc khôi phục nền độc lập cho nước nhà qua lời *Đại cáo bình Ngô*:

“ Những trần trọcđồ hồi”

(Đại cáo bình Ngô)

b) Ý chí chiến đấu kiên cường, lập chiến công lừng lẫy, đuổi giặc ra khỏi bờ cõi:

- Chiến thắng rực rỡ trong đời Trần:

“Chương Dương cướpquân thù”

(Phò giá về kinh)

- Với khí thế oai hùng:

“Thuyền bè muôn đội....Giáo gươm sáng chói”

(Phú sông Bạch Đằng)

- Ý chí kiên cường dũng mãnh của nghĩa quân Lam Sơn:

“Gươm mài đá.....phải cạm”

- Tiến công giặc như vũ bão, chiến thắng oanh liệt:

“Đánh một trậnphá toang đê vỡ”

(Đại cáo bình Ngô)

*** Kết luận:**

- Từ thế kỉ X đến XV là giai đoạn dành độc lập và bảo vệ nền độc lập của dân tộc ta. Quá trình lịch sử vẻ vang đó chẳng những ghi nhận những chiến công hiển hách của dân tộc mà còn xây dựng được một nền văn học viết rất đáng tự hào.

- Nền văn học viết với nội dung chủ yếu là tinh thần yêu nước, tinh thần quật khởi chống xâm lược, đã trở thành truyền thống quý báu của dân tộc ta.

4. Trong nền văn học dân tộc có một số áng thơ văn ra đời vào những thời điểm trọng đại của đất nước, được coi là những tuyên ngôn độc lập của dân tộc. Hãy bàn luận về nội dung và tinh thần chung của các tác phẩm đó.

***Khái quát:**

- Suốt bốn ngàn năm lịch sử, dân tộc VN luôn phải chiến đấu quyết liệt để bảo vệ nền độc lập dân tộc. Điều này như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt các tác phẩm văn học lớn từ xưa tới nay.

- Ra đời vào những thời điểm trọng đại của đất nước, một số áng thơ văn được coi như những tuyên ngôn độc lập của dân tộc, mang dấu ấn của một thời, song giá trị của nó trường tồn cùng dân tộc. Lịch sử giữ nước và hào hùng của dân tộc ta ở thế kỉ XI, XV và XX đã được văn học nước nhà ghi lại qua một số tác phẩm bất hủ.

*** Bàn luận:**

Ở thế kỉ XI: Bài thơ “Thần” tương truyền của Lí Thường Kiệt:

- Chúng ta còn nhớ cách đây gần một thế kỉ, năm 1077, quân xâm lược nhà Tống đã binh hùng tướng mạnh, hùng hổ kéo sang xâm lược nước ta. Bọn chúng đã bị người anh hùng dân tộc Lí Thường Kiệt cùng quân dân ta chặn đánh quyết liệt. Cuộc hành quân tàn bạo của giặc Tống bị chặn đứng trên trận tuyến sông Như Nguyệt nổi tiếng trong lịch sử. Bài thơ “thần” đã ra đời trong hoàn cảnh chiến đấu ác liệt này. Bài thơ có nguyên tác chữ Hán: “*Nam quốc sơn hà Nam đế cưNhữ đẳng hành khan thủ bại hư*”

- Bằng một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt ngắn gọn, đanh thép, vị tổng tư lệnh quân đội nhân dân VN thời đó, tương truyền là tác giả bài thơ đã khẳng định chủ quyền độc lập bất khả xâm phạm của dân tộc. Mở đầu tác phẩm, tác giả đã khẳng định một cách sắt đá:

“ *Nam quốc....thiên thư*”

+ “*Nam quốc sơn hà*” là sông núi nước Nam; “*Nam đế cư*” là vua nước Nam. Điều đó đã trở thành bất di bất dịch. LTK nói đến vua nhưng chủ yếu là trong giai đoạn lịch sử này là quyền lợi của dân tộc và quyền lợi của giai cấp thống trị gắn bó chặt chẽ với nhau. Nước mất nhà tan, điều đó ai cũng hiểu. Vì thế, ở thời điểm ấy “*Nam đế*” không tách rời dân tộc mà biểu hiện cho sức mạnh vùng lên quyết bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ của dân tộc.

+ Một lần nữa tác giả nhấn mạnh điều mình vừa khẳng định, nước Nam là của vua Nam, của dân Nam và đã được “*Tiệt nhiên định phận tại thiên thư*”, có nghĩa là một sự quả quyết chắc chắn. Giai cấp thống trị xưa kia khi cần củng cố địa vị

thống trị của mình thường dùng thần quyền để mê hoặc con người. Cho nên ngay cả khi giai cấp phong kiến hình thành, chính nó đã không ngừng gieo sâu vào tiềm thức của mọi người: vua là con trời, vua thay trời trị vì dân chúng, vua là người trung gian cầm cân nảy mực trong quan hệ giữa các thành viên trong xã hội. Vì thế, theo quan niệm của người xưa, trời là một lực lượng siêu nhiên có quyền uy tối cao, sức mạnh vô địch; trời là sức mạnh, trời là chân lý. LTK đã rất khéo léo trong việc lấy uy quyền của trời để xác nhận một cách vững chắc chủ quyền độc lập của dân tộc. Thực chất là ông mượn tư tưởng phong kiến để biện hộ cho ý tưởng của mình. Trên cơ sở đó rõ ràng quyền lợi của dân tộc, của đất nước đã được đặt lên trên hết. Và nếu bóc đi cái vỏ thần linh màu nhiệm ấy thì sự khẳng định của LTK là sự khẳng định của lý trí, của sức mạnh dân tộc, của sức mạnh chính nghĩa. Thần linh ở đây hiểu rộng ra chính là cha ông ta từng làm nên lịch sử giữ nước vẻ vang và giờ đây là linh hồn của đất nước tiếp sức cho con cháu bảo vệ vững chắc, toàn vẹn lãnh thổ của tổ quốc thân yêu.

- Xuất phát từ nhận thức đúng đắn, bài thơ là một bản anh hùng ca tràn đầy khí thế tiến công: *“Như hà nghịch lỗ...bại hư”*

+ Đứng trên lập trường của một dân tộc có chủ quyền, tác giả lên tiếng hỏi tội quân xâm lược và vạch trần tội ác của chúng. Tác giả đang đứng ở tư thế của những người chiến thắng, tư thế của một dân tộc quật cường mà dồn kẻ thù vào chân tường của sự phi lý. Chúng là phi nghĩa, chúng đã làm trái lẽ trời; vậy trời sẽ không dung tha chúng, và sự thất bại cuối cùng của chúng là không tránh khỏi: *“Nhữ đẳng hành khan...hư”*- đó là số phận của kẻ xâm lược.

+ Kẻ thù sẽ bị tiêu diệt vì chúng đã tâm làm một việc phi nghĩa, xâm phạm đến một đất nước có chủ quyền.

=> Bài thơ vang lên tiếng nói của công lý, của chính nghĩa, tiếng nói tự lập tự cường hào hùng của dân tộc ta, nó là bản anh hùng ca bất diệt của non sông đất nước, nó toát lên khí phách quật cường của hào khí tiến công. Bài thơ xứng đáng là một năm tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc, đã chứng tỏ rằng một dân tộc dù nhỏ bé nhưng anh dũng, can trường và có một truyền thống đấu tranh bảo vệ độc lập thì luôn đủ sức mạnh chiến thắng kẻ thù to lớn, bất kể chúng từ phương nào tới.

Ở thế kỉ XV có: Đại cáo bình Ngô của Nguyễn Trãi:

- Tiếp nối truyền thống quý báu của dân tộc, ở thế kỉ XV, nhân dân ta đã tiếp tục vẽ nên những trang sử chói lọi trong sự nghiệp chiến đấu giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc. Trước đó ở thế kỉ XIII, quân dân nước Đại Việt đã ba lần đánh tan giặc Nguyên Mông. Đất nước hòa bình chưa được bao lâu thì giặc Minh tràn sang, gây cho dân ta bao đau thương tang tóc, Lê Lợi, Nguyễn Trãi đã đứng lên lãnh đạo toàn dân làm một cuộc khởi nghĩa ròng rã mười năm trời, và kết thúc thắng lợi vẻ vang. Cuộc khởi nghĩa ấy đã đi vào văn học qua *Đại cáo bình Ngô* tràn đầy tinh thần tự hào dân tộc: “*Như nước Đại Việt ta....cũng có*”

- Niềm tự hào có được là do lịch sử hào hùng của dân tộc đã được xem như một cơ sở, một điểm tựa cho một quan niệm mới mẻ về dân tộc, về đất nước. Tác giả đã đặt dân tộc mình ngang hàng với các triều đại pk TQ, phủ nhận tham vọng của một nước lớn muốn thôn tính nước bé. Điều đó khẳng định lại dù thế nào chăng nữa, nước ta là một quốc gia độc lập có chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, ko một thế lực ngoại bang nào có thể chà đạp□ tác giả đã tố cáo tội ác tày trời của quân thù: “*Nướngvạ*”

- Trải qua thử thách gian lao, ông cha ta đã dạn dày, đã hiểu thế nào là thế đứng của một dân tộc có chính nghĩa. Vì thế mà trải qua những ngày ném mật nằm gai, quân dân ta càng thêm đoàn kết sát cánh bên nhau vì sự nghiệp lớn lao: “*Nhân dân bốn cõi....rượu ngọt ngào*”□ NT đã cho thấy sức mạnh to lớn của toàn dân khi họ đoàn kết chiến đấu dưới ngọn cờ chính nghĩa dành độc lập, tự do. Hình ảnh nhân dân được nhắc đến với một tình cảm thiết tha triu mến và trân trọng. Sự nghiệp chính nghĩa là của nhân dân, thuộc về nhân dân. Nhân dân là một lực lượng đông đảo, họ làm nên chiến thắng và làm nên lịch sử. Người cầm quân giỏi chính là người thấy sức mạnh vô địch ở nhân dân và biết tập hợp nhân dân để phát huy sức mạnh vĩ đại đó. So với *Nam quốc sơn hà* thì *Đại cáo bình Ngô* đã có một bước tiến vượt bậc. Tổ quốc, giang sơn ko chỉ còn bó hẹp trong khái niệm ông vua và ông trời mà đã bao hàm một nội dung rộng lớn hơn: Tổ quốc là nhân dân. Vì thế, ko cần viện dẫn thần linh, NT chinh phục lòng người bằng chính lịch sử và bằng chính chiến công trong hiện tại với một quan điểm nhân nghĩa đúng đắn: *Đem đại nghĩa....cường bạo*”- quan điểm vô cùng nhân đạo và cao thượng thể hiện ở thế đứng quật cường, thế đứng trên đầu thù của dân tộc ta. Hiếm có một đất nước nào, một dân tộc nào có được thế đứng

hào hùng, oanh liệt. Phải chăng dân tộc VN, tuy kinh qua khói lửa của chiến tranh nhưng với bản chất nhân đạo, đã làm nên thể đứng tuyệt vời và “*đại nghĩa*”, “*chí nhân*” là bản chất trong đạo lí ứng xử của dân tộc.

=> *Đại cáo bình Ngô* là một áng thiên cổ hùng văn của thời đại, là kiệt tác của nền văn học nước nhà. Cùng với “*Nam quốc sơn hà*”, bài cáo đã toát lên tinh thần tự cường dân tộc, toát lên hào khí chống giặc giữ nước oai hùng. Bài Cáo là sự kết tinh của tư tưởng, tình cảm và ý chí quyết chiến, quyết thắng của dân tộc ta của nhân dân ta trong một thời điểm lịch sử trọng đại và ngay nay những áng thơ văn bất hủ ấy đã và đang được các thế hệ phát huy cao độ trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng tổ quốc.

*Tiểu kết:

Lịch sử của dân tộc ta đã làm nên những trang sử hào hùng. Lịch sử đó đã phản ánh vào trong văn học thông qua những nhà văn, nhà thơ lớn và đồng thời cũng là những anh hùng của dân tộc, những tác phẩm ấy xứng đáng là những bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc, khẳng định chủ quyền của dân tộc, tính chất chính nghĩa của các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của ông cha ta trong thời đại phong kiến.

Ở thế kỉ XX có *Tuyên ngôn độc lập* của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

- Trải qua hàng ngàn năm dưới chế độ phong kiến và gần một trăm năm rên xiết dưới ách thống trị của thực dân Pháp, dân tộc ta vẫn làm nên những kì tích huy hoàng, vẫn “*vươn lên như một thiên thần*” (TH). Một dân tộc khao khát tự do, một dân tộc khao khát hòa bình và thân thiện, một dân tộc quyết đem xương máu của mình để giữ gìn và bảo vệ độc lập tự do, đương nhiên dân tộc đó phải được sống trong độc lập và hòa bình.. Chính vì vậy bằng cuộc cách mạng tháng Tám, dân tộc ta đã phá tan xiềng xích nô lệ bước sang cuộc đời mới. Cách mạng tháng Tám đã đem lại ấm no, hạnh phúc và đã đem lại hình thái xã hội mới tốt đẹp hơn những hình thái đã có trong lịch sử. Với cuộc cách mạng này, dân tộc ta đã thấy được con đường đi lên của chính mình, con đường thoát khỏi gông xiềng nô lệ. Ngày dành được chính quyền về tay nhân dân ta cũng là ngày đất nước bước sang một chính thể mới, chính thể dân chủ cộng hòa. Bản *Tuyên ngôn độc lập* do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tại quảng trường Ba Đình là bản tuyên ngôn mở ra cho dân tộc ta một kỉ nguyên mới – kỉ nguyên hòa bình và hạnh phúc.

- Bản tuyên ngôn mở đầu bằng việc trích dẫn lời bản tuyên ngôn của nước Mỹ và Pháp. Chứng tỏ dụng ý của Bác ko chỉ tuyên bố độc lập trước toàn thể dân tộc, toàn thể nhân dân thế giới mà tuyên bố cho những cường quốc đã từng dòm ngó xâm lược nước ta biết rằng: VN là một quốc gia độc lập, ko can thiệp vào bất kì nước nào, và cũng kiên quyết không cho phép bất kì nước nào xâm phạm đến chủ quyền dân tộc của mình. Đó là một quyết tâm thể hiện rõ ý chí kiên cường của dân tộc ta, ý chí ấy là sự tiếp nối truyền thống bất khuất, kiên cường của các thế hệ đi trước. Lập trường ấy rất rõ ràng và kiên định, ko có một thế lực nào có thể làm thay đổi: *“Không có gì quý hơn độc lập tự do”*, lời nói bất hủ ấy của Bác còn mãi vang vọng. Chính vì độc lập tự do mà dân tộc ta đã hi sinh xương máu để bảo vệ quyền tự do, độc lập một khi nó bị đe dọa.

- Bằng lời văn mạnh mẽ, hùng hồn, Bác đã tố cáo tội ác dã man của thực dân Pháp đặt ách cai trị của chúng lên đầu dân tộc VN. Bác vạch rõ, trong gần một thế kỉ qua thực dân Pháp là kẻ thù không đội trời chung của dân tộc VN. Chúng đã núp dưới chiêu bài *“khai hóa”* để rắp tâm lừa bịp, bóc lột dân tộc ta, và chính chúng là kẻ đã bán nước ta hai lần cho Nhật. Bác nhấn mạnh, nhân dân ta đã lấy lại nước ta từ tay Nhật chứ không phải từ Pháp và trên thực tế chúng ta đã giành được chính quyền trước khi quân Đồng minh vào giải phóng quân đội Nhật. Như vậy, nước VN được hưởng quyền độc lập là một điều hợp lí, hợp tình. *“Nước VN là của người VN”*. Điều đó đã là một chân lí; trước đó dân tộc ta đã khẳng định chân lí ấy một cách rõ ràng, chắc chắn, Hồ Chí tịch đã lên tiếng tuyên bố với thế giới rằng: *“Nước VN có quyền hưởng tự do và độc lập và thực sự đã trở thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân tộc VN quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”*.

=> *“Tuyên ngôn độc lập”* của Hồ Chí Minh là một áng văn kiệt tác của nền văn học VN hiện đại. Nó tiếp nối truyền thống của cha ông trong việc lên tiếng khẳng định chủ quyền bất khả xâm phạm của đất nước và quyền được sống trong độc lập tự do của dân tộc. Ra đời vào những ngày đầu tiên sau cách mạng tháng Tám thành công, *Tuyên ngôn độc lập* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực sự trở thành lời tuyên bố đồng thuận của dân tộc VN trước toàn thể thế giới: nước VN là một nước độc lập, dân tộc VN kiêu hãnh sẵn sàng chiến đấu hi sinh vì nền độc lập của mình.

* Kết luận:

Ngày nay, chúng ta được sống trong một đất nước hòa bình, trong đó mọi người tự do phát huy cao độ mọi khả năng và trí tuệ của mình, nhưng không phải là đã vĩnh viễn thoát khỏi sự đe dọa của chiến tranh. Chúng ta có quyền tự hào về truyền thống bất khuất của dân tộc. Truyền thống đó đã cho chúng ta sức mạnh trong công cuộc xây dựng đất nước.

5. "Chủ nghĩa yêu nước là nội dung lớn, xuyên suốt quá trình tồn tại và phát triển của văn học trung đại Việt Nam" (Ngữ văn 10, tập 1, trang 108, Nhà xuất bản Giáo dục 2010)

Bằng hiểu biết về tác phẩm *Tổ lòng* (Thuật hoài) của Phạm Ngũ Lão và *Đại cáo bình Ngô* (Bình Ngô đại cáo) của Nguyễn Trãi, hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

Giới thiệu nhận định về cảm hứng yêu nước trong văn học trung đại và hai tác phẩm tiêu biểu: <i>Tổ lòng</i> của Phạm Ngũ Lão và <i>Đại cáo bình Ngô</i> của Nguyễn Trãi
Giải thích nhận định
- Văn học trung đại Việt Nam tồn tại và phát triển trong xã hội phong kiến giành được quyền độc lập tự chủ, liên tiếp chiến đấu và lập nhiều kì tích trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược phương Bắc như: Tống, Mông-Nguyên, Minh, Thanh và buổi đầu chống Pháp xâm lược. - Hình thành và phát triển trong sự tác động mạnh mẽ của truyền thống dân tộc, tinh thần thời đại, cùng với chủ nghĩa nhân đạo, <i>nội dung lớn, xuyên suốt</i> văn học trung đại Việt Nam là chủ nghĩa yêu nước. + Chủ nghĩa yêu nước là cảm hứng chủ đạo, bao trùm, xuyên suốt các chặng đường tồn tại và phát triển của văn học trung đại (4 giai đoạn) và thể hiện ở hầu hết các sáng tác văn học, từ bài thơ Đường luật đến hịch, cáo, chiếu, biểu, thơ, phú, truyện,... + Chủ nghĩa yêu nước trong văn học trung đại gắn liền với tư tưởng "trung quân ái quốc" song không tách rời truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam nên có biểu hiện rất đa dạng, phong phú: là âm điệu hào hùng khi chống ngoại xâm, là âm hưởng bi tráng lúc nước mất nhà tan, là giọng điệu thiết tha trước cảnh đất nước thanh bình thịnh trị, ý thức độc lập tự chủ, tự cường, tự tôn dân tộc; lòng căm thù giặc, quyết chiến quyết thắng kẻ thù; tự hào về truyền thống lịch sử; biết ơn, ca ngợi những con người hi sinh vì đất nước, tình yêu thiên nhiên đất nước,...

Chứng minh
Bài thơ <i>Tổ lòng</i> của Phạm Ngũ Lão
- Phạm Ngũ Lão là người văn võ toàn tài, có công lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên thời Trần. <i>Tổ lòng</i> là bài thơ tứ tuyệt, viết bằng chữ Hán ra đời trong hoàn cảnh đất nước liên tiếp chống giặc ngoại xâm. - Chủ nghĩa yêu nước thể hiện qua việc khắc họa, ca ngợi vẻ đẹp của trang nam nhi thời Trần: hình ảnh tráng sĩ mang tầm vóc, tư thế, hành động lớn lao, kì vĩ (vì yêu nước, căm thù giặc mà cầm giáo gìn giữ bảo vệ non sông). - Hình ảnh người trai đời Trần nổi bật trên nền hình ảnh "<i>ba quân</i>" gợi sức mạnh, hào khí Đông A, tinh thần quyết chiến quyết thắng, khí thế "<i>Sát Thát</i>". - Khát vọng của con người mang chí lớn lập công danh sự nghiệp cứu nước, mang "nỗi thẹn" vì chưa trả xong nợ nước. - Nghệ thuật thể hiện: xây dựng hình ảnh kì vĩ, lớn lao; ngôn ngữ cô đọng, hàm súc, giàu tính biểu cảm, có sự dồn nén cao độ về cảm xúc.
<i>Đại cáo bình Ngô</i> của Nguyễn Trãi
- Nguyễn Trãi là người có công lớn giúp Lê Lợi trong cuộc kháng chiến chống giặc Minh. Đầu năm 1428, sau khi dẹp xong giặc Minh, Lê Lợi lên ngôi vua, giao cho Nguyễn Trãi viết bài cáo để tuyên bố rộng khắp về việc dẹp yên giặc Ngô. <i>Đại cáo bình Ngô</i> không chỉ là bản tổng kết toàn bộ cuộc kháng chiến chống giặc Minh mà còn là bản Tuyên ngôn độc lập lần thứ hai của dân tộc. - Chủ nghĩa yêu nước trong <i>Đại cáo bình Ngô</i> thể hiện sâu sắc, bao quát nhiều phương diện khác nhau (<i>học sinh lựa chọn một số dẫn chứng tiêu biểu để phân tích làm rõ</i>): + Khẳng định độc lập chủ quyền của dân tộc, ý thức tự cường, tự tôn, niềm tự hào về nền văn hiến, cương vực lãnh thổ, phong tục tập quán, sức mạnh dân tộc,... Tư tưởng của Nguyễn Trãi về độc lập dân tộc thể hiện sâu sắc toàn diện. + Căm thù giặc, quyết tâm vượt qua khó khăn để kháng chiến + Ca ngợi, tự hào về chiến thắng hào hùng của cuộc khởi nghĩa. + Khát vọng hòa bình muôn thuở, mở ra kỷ nguyên mới cho đất nước. - Nghệ thuật: vận dụng linh hoạt sáng tạo kết cấu thể loại cáo; lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, dẫn chứng thuyết phục; kết hợp giữa bút pháp tự sự, trữ tình và bút pháp anh hùng ca.
Đánh giá về cảm hứng yêu nước, bài học tư tưởng và hành động

- Cảm hứng yêu nước không chỉ là nội dung lớn trong văn học trung đại mà còn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt lịch sử văn học Việt Nam. *Tỏ lòng* của Phạm Ngũ Lão và *Đại cáo bình Ngô* của Nguyễn Trãi là 2 tác phẩm tiêu biểu với những sắc thái cảm xúc, hình thức nghệ thuật khác nhau song đều góp phần làm nên âm điệu hào hùng riêng của văn học trung đại ở 2 giai đoạn đầu.
- Tự hào về truyền thống yêu nước, trân trọng di sản văn học trung đại. Đề xuất những hành động phù hợp với học sinh nhằm góp phần bảo vệ, giữ gìn, tô thắm truyền thống vẻ vang của dân tộc.

LUYỆN ĐỀ VỀ TÁC GIẢ NGUYỄN TRÃI

1. Trong “*Bài ca mùa xuân 1961*” nhà thơ TH viết:

“Nghe hồn Nguyễn Trãi phiêu diêu

Tiếng gươm khuya, tiếng thơ kêu xé lòng”

Qua cuộc đời và thơ văn Nguyễn Trãi, anh (chị) hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

*Gợi ý:

a) Nội dung:

- Qua việc phân tích hai câu thơ, cần chứng minh được ba ý:

+ Lòng yêu nước của Nguyễn Trãi

+ Tính chiến đấu trong thơ văn Nguyễn Trãi

+ Tâm sự lúc cuối đời của Nguyễn Trãi: ngao ngán, bơ vơ và bất lực.

- Mở rộng:

+ Cho thấy tâm lòng của Tố Hữu- một nhà thơ, một chiến sĩ cách mạng đối với NT- một nhà văn, nhà thơ, một nhà chính trị, ngoại giao: sự cảm thông sâu sắc của thế hệ sau đối với thế hệ trước.

+ Sự biết ơn: nhờ vào người đi trước, nhờ hồn thiêng của họ mà ta có chiến thắng hôm nay (Xuân 1961- ta thực hiện kế hoạch năm năm lần thứ nhất ở miền Bắc).

b) Về thể loại:

- Chứng minh văn học

- Phân tích thơ để làm sáng tỏ

c) Tư liệu:

- Cuộc đời Nguyễn Trãi
- Một số lời thư trong “Quân trung từ mệnh tập”
- Một vài bài thơ trong “Quốc âm thi tập” và “Ức Trai thi tập”

d) Hình thức

- Bố cục rõ ràng
- Diễn đạt mạch lạc, có cảm xúc
- Không sai lỗi về câu, từ và chính tả.

2. Trong lời khai mạc lễ kỉ niệm 600 năm sinh Nguyễn Trãi, ông Phạm Văn Đồng đã nêu ý: “Càng nghiên cứu Nguyễn Trãi, chúng ta, và không chỉ chúng ta, các bạn nước ngoài cũng vậy, càng thấy Nguyễn Trãi lớn lên và càng gần gũi chúng ta, gần gũi thời đại chúng ta. Đó là điều quý báu nhất đối với một nhân vật lịch sử”.

(Trích: “Nguyễn Trãi, một tiêu biểu rất đẹp của thiên tài VN”, Phạm Văn Đồng, 1980- Sách Nguyễn Trãi thơ và đời, NXB Văn học, tr 63)

Anh (chị) hiểu ý kiến trên như thế nào?”

* Gợi ý:

a) Hình thức:

- Giải thích
- Chứng minh
- Bình luận

b) Nội dung:

* Không phải chỉ chúng ta, mà cả các bạn nước ngoài, càng nghiên cứu Nguyễn Trãi, càng thấy Nguyễn Trãi lớn lên.

* Càng thấy Nguyễn Trãi gần gũi chúng ta, gần gũi thời đại chúng ta

* Đó là điều quý báu nhất đối với một nhân vật lịch sử, khi bình luận phải nêu được:

- Tâm vóc rộng lớn, cao sâu của cuộc đời người anh hùng với tư tưởng cao thượng và trong sáng lạ thường mà ngày nay cả chúng ta và bạn bè thế giới đều “chưa hiểu hết Nguyễn Trãi”

- Nguyễn Trãi là nhà hành động luôn đồng hành với dân tộc bằng tư tưởng vượt thời đại với một học thuyết “Nhân nghĩa hoàn chỉnh” đầy chất Đại Việt so với học thuyết nhân nghĩa Khổng Mạnh và của thế giới ở thế kỉ XV không dễ gì có.

- Nguyễn Trãi là một nghệ sĩ sớm bách khoa về nhiều mặt nên trong sáng tạo rất gần gũi, hài hòa với quan điểm thẩm mỹ hiện đại xứng đáng là “ngòi bút thần, đỉnh cao của nghệ thuật” (Phạm Văn Đồng)

3. Tài năng cùng với vẻ đẹp tâm hồn cao quý đã giúp Nguyễn Trãi viết nên những bài thơ hay, độc đáo, đầy ý nghĩa cao đẹp.

Hãy phân tích bài thơ “Cảnh ngày hè” của Nguyễn Trãi để chứng minh ý kiến trên.

* Gợi ý:

Có thể khám phá, phân tích và trình bày theo nhiều cách khác nhau. Qua bài thơ “Cảnh ngày hè” phân tích làm sáng tỏ ý sau:

- Tài thơ thể hiện ở chỗ:

+ NT đã cách luật bài thơ: tìm một kiểu dáng cho thơ, ông đã phá luật tạo ra nét độc đáo cho hình thức bài thơ giúp cho cảm xúc trình bày thêm nổi bật

□ Từ nhịp thơ linh hoạt, ko theo quy định 4/3 phổ biến của thơ Đường: các câu 1,8 trong bài thơ

□ Đến hình thức của những câu thơ trên cũng mới lạ ở số tiếng, số chữ: câu lục ngôn: câu 1; câu 8 của bài (mỗi câu 6 tiếng)

+ Sử dụng ngôn ngữ: giản dị, độc đáo nhất là ở các từ có giá trị biểu cảm cao, các từ tượng hình, tượng thanh, các động từ gợi tả thể hiện sức sống của cảnh vật: “Hồn của vật” tỏa ra từ “hồn chữ”: đùn đùn,, phun, lao xao, đặng dỏi,...

+ Khám phá mới, cảm nhận tinh tế, lột tả “Cái thần, cái hồn” của đối tượng ở những góc nhìn bất ngờ nhất:

□ Bức tranh: thiên nhiên nổi bật hài hòa màu sắc, âm thanh: màu xanh của hòe, màu đỏ của thạch lựu,...

□ Bước đi của thời gian qua dấu hiệu của cây cối:

* Đầu hè: cây hòe

* Giữa hè: Cây lựu

* Cuối hè chớm thu: hoa sen

□ Bức tranh cuộc sống dân dã, quê mà không tục, hài hòa trang nhã nhờ sự kết hợp hình ảnh trang nhã, quý phái “Lầu tịch dương” và đời thương “lao xao chợ cá”

- Vẻ đẹp tâm hồn:

+ Một Nguyễn Trãi- thi sĩ đắm say trước cảnh vật có rung cảm, có phát hiện tinh tế trước thiên nhiên cuộc sống.

+ Một NT trong tâm sự u uẩn, kín đáo, buồn đau thời thế (sự rối rắm bất thường ở câu 1)

+ Một NT với tư tưởng thân dân và khát vọng cao quý. “Vua Nghiêu Thuấn – dân Nghiêu Thuấn”. Dù trong hoàn cảnh nào cũng răn đời, dạy mình, sống vì tiêu chí cao đẹp ấy. Chính vì nét đẹp mà hiện nay, bài thơ tuy còn một số từ cổ xa lạ với chúng ta mà người đọc hôm nay vẫn yêu quý, gần gũi vì tư tưởng cao đẹp mà NT đã gửi gắm vào thơ.

4. “Thơ Nguyễn Trãi không chỉ thể hiện tầm vóc tư tưởng mà còn là một tâm hồn nhạy cảm rất giàu chất thơ trước đất nước, con người và thiên nhiên”. Hãy chứng minh nhận định trên.

Gợi ý:

*Thơ Nguyễn Trãi thể hiện một tầm vóc tư tưởng:

-Tư tưởng nhân nghĩa (d/c)

- Tư tưởng yêu nước (d/c)

* Thơ Nguyễn Trãi thể hiện một tâm hồn nhạy cảm giàu chất thơ trước đất nước, con người và thiên nhiên:

- Rung cảm trước cảnh đẹp của đất nước (Núi Dục Thu, Côn sơn ca)

- Cảnh vật bình dị: Bè rau muống, giậu mồng tơi, cây chuối....

+ Cảnh vật dưới con mắt của người nghệ sĩ ánh lên vẻ đẹp bất ngờ:

“Chè tiên nước nhին nguyệt đeo về”

“Thế giới đông nên ngọc một màu”

“Tầm uơm lúc nhúc, thuyền đầu bãi”

+ Cảm xúc tinh tế:

“Hái cúc ương lan, hương bén áo
Tìm mai, đập nguyệt, tuyết xâm khăn”
“Cây chuối”
“Côn sơn ca”

- Sống hoà mình vào thiên nhiên, làm bạn với mây núi, với trăng, có lúc ông lặn vào nước, rêu, thông, trúc (Côn sơn ca)

*Tâm hồn nhạy cảm giàu chất thơ trước đất nước, con người và thiên nhiên cũng chính là tấm lòng yêu quê hương đất nước của Nguyễn Trãi.

5.” Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi kế thừa được những yếu tố tích cực của các chủ nghĩa nhân đạo cổ đại phương Đông nhưng đã vượt qua chúng về tính chất và trình độ tư tưởng”. Phân tích và làm sáng tỏ.

Gợi ý:

*Nhân nghĩa:

- Vốn là một khái niệm, một sản phẩm của Nho gia. Nó đóng khung trong một phạm trù hẹp, phạm vi ứng xử giữa cá nhân con người với nhau theo đạo lí của tình thương và đạo lí, trọng lễ phải.

- Theo quan niệm của NT:

+Vượt lên trên mối quan hệ giữa cái riêng với cái riêng và là then chốt của sự nghiệp kinh bang tế thế, là thước đo, chuẩn mực đánh giá con người, là mũi tên chỉ đường, là điểm tựa cho bất kì hành động, chủ trương hoặc quyết định trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước + Vượt lên trên tính chất và trình độ tư tưởng của chủ nghĩa nhân đạo cổ phương Đông ở nội dung yêu nước thương dân, vì sự sống của dân tộc

+)Trong chiến đấu bảo vệ đất nước:

☐ Vì hạnh phúc, vì sự ấm no, yên bình của nhân dân, cho đến cả “dân đen con đỏ”; ☐ quyết tâm chiến đấu đến cùng, vượt gian khổ khó khăn (d/c Bình Ngô đại cáo, Quân trung từ mệnh tập”

☐ Vì cần bảo vệ sinh mạng cho dân nên đã:

* Đề ra những kế sách, chủ trương sáng tạo, tài tình như:

- Đánh vào lòng người “Muru phạt tâm công” (Thư dụ hàng giặc)

- Chiến lược, chiến thuật phù hợp trong tình hình tương quan lực lượng giữa ta và địch (Lấy yếu chống mạnh, lấy ít địch nhiều)

- Đoàn kết toàn dân , dựa vào dân..

- Sẵn sàng tha chết cho giặc khi chúng

đã quy hàng vì mong muốn mau chóng đem lại sự thái bình cho dân càng sớm càng tốt. Đồng thời giữ cho nền hoà bình đất nước được lâu dài hơn. Chủ nghĩa nhân đạo rộng lớn cao cả nhận rõ kẻ thù nào là nhân; kẻ thù nào là chủ muru.

+) Trong hoà bình:

□ Khôi phục lại yếu tố tích cực của Nho giáo “dân vi quý” thể hiện qua việc nhắc nhở, răn dạy vua quan triều hậu Lê thông qua những “chiếu, chế” của NT ban truyền theo lệnh của Lê Lợi □ đem tư tưởng nhân nghĩa truyền bá thành một cái đạo chung cho khắp cả nước và NT là một nhân tố điển hình (d/c: chiếu, thơ NT)

6. Trong SGK Ngữ văn 10, có ý kiến nhận xét: “Hai tập thơ Ước Trai thi tập và Quốc âm thi tập ghi lại hình ảnh Nguyễn Trãi vừa là người anh hùng vĩ đại vừa là con người trần thế.”

Hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

- Thể hiện hình ảnh con n` anh hùng vĩ đại hòa quyện với con người bình thường - con n` trần thế => đó là con n` có lẽ sống lớn, có phẩm chất cao quý, có ý chí của n` anh hùng và toả sáng trong mọi hoàn cảnh. Khía cạnh con n` đời thường trong n` anh hùng NT chính là vẻ đẹp nhân bản đã góp phần nâng n` anh hùng dt lên tầm nhân loại

- Sự hoà quyện giữa tư tưởng nhân nghĩa kết hợp với yêu nước thương dân vì dân trừ bạo:

- Còn có một lòng âu việc nước

Đêm đêm thức nhẩn nẻo sơ chung (Bài 68)

- Giang san đường cách muôn dặm

Ưu ái lòng phiền nửa đêm (Bài 115)

- Bui có một niềm trung hiếu cũ

Chẳng nằm, thức dậy nẻo ba canh. (Bài 158)

- Bui một tác lòng ưu ái cũ

Đêm ngày cuộn cuộn nước triều dâng” (Thuật hứng bài 2)

=>Xuân diệu “NT là điển hình cao cả nhất, toàn vẹn nhất về lòng ưu quốc ái dân”

- Phẩm chất ý chí của n` anh hùng luôn ngời sáng trong chiến đấu chống ngoại xâm, cũng như trong đấu tranh chống cường quyền, bạo ngược “Trừ độc trừ tham trừ bạo ngược - Có nhân có trí có anh hùng”

+ Vì công lí vượt lên khỏi mọi hoàn cảnh khó khăn

“Khó bèn mới phải n` quân tử

Mạnh gắng thì nên đáng trọng phu”

+ Bản lĩnh cứng cỏi của cây trúc quân tử đứng ngăn bụi bặm của cõi trần;

“Vườn quỳnh đầu có chim hót

Cối trần có trúc đứng ngăn (Tự thán 40)

+ Luôn tự nhủ phải sống trong sạch, ngay thẳng:

“Lung khôn uốn, lộc nên từ (Bài 36)

+ Có cốt cách thanh cao trong trắng của mai, có sức sống khoẻ khoắn của tùng để hiển dương cho nước cho dân:

“Hồ phách phục linh nhìn mây biết

Dành, còn để trợ dân này” (Tùng)

+ Trong hoàn cảnh đất nước bị xâm lược -> đau xót trước nỗi thống khổ của nhân dân, căm giận kẻ thù:

- Nướng dân đen trên ngọn lửa....tai vạ”

- Căm giặc nướcsống”

+ Nêu cao ý chí quyết chiến quyết thắng của dt -> sự suy xét sáng suốt, tinh táo -> đường lối tiến hành cuộc kháng chiến “Quên ăn vì giận.....càng kĩ”

+ Qua thực tiễn chiến đấu chống Minh và cuộc đời ô thấy rõ sức mạnh vĩ đại của nd “Làm lật thuyền mới biết sức dân như nước”, “Hương về n` nhân là dân”, “mà chở thuyền lật thuyền cũng là dân” -> khẳng định mục đích cao cả nhất của cuộc chiến đấu vì c/s yên bình, an cư lạc nghiệp của nd - “Việc nhân nghĩa cốttrừ bạo”

+ Khi chiến thắng, đất nước thanh bình, ô càng khát khao điều đó->viết tờ trình gửi Lê Lợi : “Ngày nay bệ hạ định ra lễ nhạc chính là phải thời. Song nhạc mà ko có gốc thì ko thể đứng vững, ko có văn thì ko thể lưu hành, hoà bình là gốc của nhạc, thanh âm là văn của nhạc. Dám mong bệ hạ rủ lòng yêu thương muôn dân, khiến cho trong chỗ thôn cùng xóm vắng, ko một tiếng hờn giận oán sầu, đó tức là giữ được cái gốc của nhạc”.

- XD nhận định “Bên cạnh Bình ngô đại cáo, bên cạnh thơ chữ Hán “Uc Trai thi tập, may sao còn có quốc âm thi tập còn có thơ Nôm của Nt nữa thì ta mới thấy hết con n` NT, con n` “trần thế nhất trần gian” chính con n` thông thường càng làm tăng thêm giá trị cho con n` khác thường: chính cái phần con n` thông thường, cái phần như mọi n` thường làm làm cho một vĩ nhân mới hoàn chỉnh là một vĩ nhân trọn vẹn”

* Đau nỗi đau của con n`, yêu t/y của con n`, rung động xúc cảm trước mọi tác động của hiện thực. Trước sự tồn tại của cái ác, cái bất nhân nổi cộm:

- Nhà thơ nhức nhối tâm tưởng:

Phượng những tiếc cao điều hã liệt

Hoa thì hay héo cỏ thường tươi (Tự thuật 9)

-> ý vị mỉa mai chua xót: Bầu trời cao rộng lẽ ra là nơi chim chim phượng đẹp để múa lượn thì nay chỉ thấy loài ác điều “Liệt” để săn mồi; mặt đất lẽ ra phải đầy hoa, và hoa là cái đẹp thì thường rể héo tàn, còn cỏ dại cái ác cái xấu lại sinh sôi nảy nở tươi tốt => chế độ xã hội đầy nghịch lí - một thứ nghịch lí đương nhiên, nghịch lí đến độ phi lí -> trong lòng nó ko có chỗ dung thân cho một n` như NT

- Vốn là người trung thực ngay thẳng, yêu lẽ phải và sự công bằng, ô đau lòng chua xót khi thấy thời thế đổi thay lòng n` đen bạc

- Ở thế nhiều phen thấy khóc cười

- Càng một ngày càng ngật đến xương

- Ngoài chung mọi chốn đều thông hết

Bui một lòng người cực hiểm thay (Mạn thuật 4)

-> Nhận ra sự thật đau lòng ko phải để thoái chí nản lòng mà để cháy bỏng thêm nỗi khao khát về sự hoàn thiện của con người và mơ ước xã hội thái bình thịnh trị.

Vua Nghiêu Thuần dân Nghiêu Thuần

Đường ấy ta đà phỉ sở nguyên (Tự thán-4)

- XH càng nhiều ngang trái -> sự khảng khái cứng cỏi, khát khao tự do ko chịu cúi đầu trước cường quyền bạo ngược :

Một tấm lòng son ngời lửa luyện

Mời năm thanh chúc ngọc hồ băng

Ung dung cứ nói điều ta thích

Uốn gối theo đời ko thể vâng.

- Ko được trọng dụng như xưa -> ở ẩn, làm bạn với thiên nhiên trong sạch và tràn đầy sự sống nhưng lòng vẫn hướng về cuộc đời còn bao cay đắng, bất công -> thiết tha mong mang tài trí của mình giúp đời giúp nước:

Bui một tác lòng u ái cũ

Đêm ngày cuộn cuộn nước triều dâng.

- Khao khát có một thứ hoa lan có thể phân phát rộng rãi cho hết thảy mọi n' để gột rửa sạch đau khổ và nhơ nhớp đã vấy lên cuộc đời:

Nguyện bả lan thanh phân tử hải

Tùng kim tảo tuyết cự ô dân (Đoan ngọc nhật)

(Muốn đem nôi nước hoa lan

Gội cho khắp cả trần gian sạch lầu)

- Khao khát dân giàu nước mạnh, yên ấm, thái bình: “Dễ có ngu cầm....phương”

*Tình yêu thắm thiết đối với thiên nhiên, quê hương, đất nước:

- Tấm lòng của ô đối với n' với đời là nhân nghĩa, với thiên nhiên cũng vậy: Thắm đượm chở che mọi cảnh vật của giang sơn

Thừa chỉ ai rằng thời có ngặt

Túi thơ chứa hết mọi giang san (Bài 72)

-> túi thơ: Tâm hồn thơ NT vĩ đại, thắm thiết đủ sức để chứa hết mọi giang san -> hồn thơ sẵn sàng mở rộng và rung động trước mọi thứ của giang san.

- Cái nhìn cảnh vật: hoành tráng, lạc quan, yêu quý vẻ đẹp hùng tráng của non sông, đất nước mình:

Ngạc đoạn kinh khoa sơn khúc khúc

Qua trảm kích triết ngạn tầng tầng

(Bạch đằng hải khẩu)

(Kinh ngạc bầm vằm non mấy khúc

Giáo gươm chìm gãy bãi bao tầng)

- Cảnh vật đẹp cao sang, cảm xúc tứ thơ tinh tế:

+ Nước biếc non xanh thuyền gỏi bãi

Đêm thanh nguyệt bạc khách lên lầu (Bảo kính cảnh giới)

+ Tình thư một bức phong còn kín – Gió nơi đâu gượng mở

xem” (Cây chuối)

- Thiên nhiên bình dị dân dã, quen thuộc cũng tạo nên những rung động thẩm mỹ:

Vun đất ải luống mừng tôi (ngôn chí 10)

Một cây một cuộc thú nhà quê

Áng cúc lan chen vải đậu kê (Thuật hứng 4)

Ao quan thả gửi hai bè muông

Đất bụi ương nhờ một lảnh mừng (Thuật Hứng –23)

Một ao niềng niềng mấy dòng dong (Thuật hứng –11_

=> Từ tình cảm dân tộc đẹp đẽ -> bức tranh thiên nhiên đầy chất thơ và chất thực.

- Rất yêu trăng, trân trọng trăng -> giữ nước ao hồ cho trong để đón trăng

Nước dưỡng cho chi thanh thưởng nguyệt (ngôn chí 10)

Tránh thả cá vào ao hồ nhà mình để mặt trăng hiện lên trọn vẹn, nguyên khôi hơn:

Trì tham nguyệt hiện chẳng buông cá

Rừng tiếc chim về ngại phát cây (mạn thuật-6)

Đêm trăng thanh nghiêng chén rượu tưởng như hớp ánh trăng

Đêm thanh hớp nguyệt nghiêng chén (Ngôn chí 10)

Gánh nước về pha trà, nước in bóng trăng, tưởng gánh trăng về theo:

Khách đến chim mừng hoa xảy động

Chè tiên nước ghín nguyệt đeo về (Thuật hứng 3)

*Quan hệ gắn bó :Vua tôi,cha con ,gia đình, bè bạn, quê hương chân thành cảm động:

- Gắn liền quân với thân (Vua với cha) theo đạo “Quân, sư, phụ”: Vua là một đấng anh quân đáng kính phục, một bậc đại tài về quân sự, chính trị -> hết lòng giúp vua để báo thù nhà, đền nợ nước. Cha bị bắt và chết trên đất giặc -> tôn kính =>Ông viết về vua cha thật xúc động:

Quân thân chưa báo lòng canh cánh

Tình phụ còm trời áo cha (ngôn chí 7)

-Trong quan hệ bạn bè trong sáng như “Trăng vắng vặc cao”. Ngày đi tìm minh chúa -> rủ bạn bè nhưng họ phản vì nghèo khổ, phản vì ốm đau, ko đi được ô đành hẹn họ ngày thắng lợi sẽ gặp nhau ở quê nhà, cùng đội nón lá vác cuốc ra đồng làm vụ xuân:

Tha nhân Nhị Khê ước

Đoàn lạp hạ xuân sư

(Hẹn nhau năm nào sẽ trở về Nhị Khê

Đội nón lá vác cuốc ra đồng làm vụ xuân)

(Tặng hữu nhân –2)

-> chiến tranh ô mất nhiều bạn bè thân thiết:

Mười năm giặc dã bạn bè chẳng còn mấy ai

Vũ trụ nghìn thuở biết bao nhiêu là biến cố

(Hoạ vắn tân Trai –10)

- Gắn bó với quê hương gia đình,10 năm xa Côn Sơn, ko được viếng mộ tổ tiên, ông bà là điều đau xót nhất -> ngồi trên thuyền tưởng nhớ đã bao lần chiêm bao mà tìm về làng cũ, đem nước mắt hoà lẫn máu rửa mộ tổ tiên

Kỉ thác mộng hồn tâm cô lí

Không tương tuyết lệ tẩy tiên uyển

(Cảm tác trên thuyền về côn sơn)

- Chiến tranh quê hương bị tàn phá, bà con bị giết hại, cha bị bắt đi Kim lăng
-> lưu lạc chốn tha hương, mỗi khi tiết thanh minh lòng lại xót xa:

Thiên lí phần oanh vi bái tảo

Thập niên tân cự tận tiêu ma (Thanh minh-6)

(Ở xa ngàn dặm ko đi tảo mộ được

Trải qua 10 năm bà con thân thích đã hao mòn hết)

=> lòng yêu nước của vị anh hùng cũng bắt nguồn từ tình cảm thông thường như bất cứ ai, chứ ko phải bắt nguồn từ giáo lí trung quân của nhà Nho. Nguyễn Trãi yêu nước là yêu làng xóm quê hương, là căm thù giặc giết hại bà con thân thích.

=> Nguyễn Trãi là một hiện tượng thiên tài, kết tinh truyền thống văn học Lí – Trần mở đường cho cả một giai đoạn phát triển mới. Hội tụ hai nguồn cảm hứng lớn của văn học dân tộc: yêu nước – nhân đạo; nhân nghĩa yên dân – trừ bạo. Nhà chính luận kiệt xuất, nhà thơ trữ tình sâu sắc, người mở đường cho sự phát triển thơ VN bằng tiếng Việt – chữ Nôm

7. (BS) Qua cuộc đời và thơ văn của NT, hãy chứng minh rằng NT có lòng yêu nước thương dân sâu sắc.

- Khái quát:

- “Nguyễn Trãi là khí phách của dân tộc, là tinh hoa của dân tộc. Sự nghiệp và tác phẩm của ông là bài ca yêu nước, tự hào dân tộc” (Phạm Văn Đồng)

- Cuộc đời NT là cuộc đời hành động vì vì độc lập dân tộc và thơ văn của ông toát lên nội dung yêu nước thương dân sâu sắc.

Phân tích, chứng minh:

*** Lòng yêu nước thương dân sâu sắc thể hiện ở cuộc đời.**

- NT xuất thân từ một gia đình có truyền thống yêu nước. Ông ngoại là Trần Nguyên Đán và cha là Nguyễn Phi Khanh thường bày tỏ lòng ái quốc ưu dân qua thơ văn. NT cũng được thừa hưởng lòng yêu nước thương dân ấy.

- Khi quân Minh xâm lược nước ta, Nguyễn Phi Khanh bị bắt sang TQ, NT tiễn đưa và khắc sâu lời cha dặn là phải nuôi chí lớn đánh đuổi giặc Minh để đền nợ nước, trả thù nhà. Trốn thoát tay giặc, mười năm dài ông nấu mình trong dân, tìm phương cách cứu nước. Đây là thời gian ông đi sâu vào cuộc sống nhân dân, thấu đáo sức mạnh của nhân dân và nhận thức rằng muốn cứu nước phải dựa vào dân. Lòng yêu nước gắn liền với lòng thương dân ngày càng trở nên sâu đậm trong tâm hồn ông

- Nghe tin nghĩa quân tập hợp ở Lam Sơn, NT lặn lội từ Thăng Long vào Thanh Hóa tìm gặp Lê Lợi chống quân Minh. Suốt thời kì kháng chiến gian khổ, ông kề vai sát cánh cùng nghĩa quân Lam Sơn trù hoạch chiến lược, chiến thuật, giữ việc

ngoại giao cho Bình Định Vương, góp phần đưa cuộc khởi nghĩa đến thắng lợi hoàn toàn.

- Khi đất nước sạch bóng quân thù, ông hăm hở bắt tay vào công cuộc xây dựng đất nước. Dù có lúc bị nhà vua nghi oan, bọn quần thần đổ kị, ông vẫn một lòng một dạ chăm lo việc nước, việc dân, giúp các vua Lê xây dựng đất nước hòa bình.
=> Cuộc đời của Nguyễn Trãi là tấm gương sáng ngời về lòng yêu nước thương dân sâu sắc.

*** Lòng yêu nước thương dân sâu sắc thể hiện qua thơ văn**

- *Ức Trai thi tập* và *Quốc âm thi tập* đã ghi nhận trọn vẹn tâm tình của nhà thơ trong khoảng mười năm kháng chiến Lam Sơn và trong thời gian về nghỉ ở Côn Sơn. Nội dung chủ yếu của các tập thơ này gồm tình yêu quê hương, gia đình, đặc biệt là tấm lòng vì dân vì nước của ông:

“Lúc nào cũng nghĩ đến dân, riêng ôm một mối tiên ưu”

(Mạn hứng)

“Bui một tắc lòng ưu ái cũ

Đêm ngày cuộn cuộn nước triều đông

(Thuật hứng 5)

“Lẽ có ngu cầm đàn một tiếng

Dân giàu đủ, khắp đời phương”

(Cảnh ngày hè)

- Đặc biệt là bài *Đại cáo bình Ngô*, một thiên cổ hùng văn đã thể hiện lòng yêu nước thương dân sâu sắc:

+ Đó là lòng căm thù giặc: “Ngẫm thù....sống”

+ Đó là niềm tự hào dân tộc xuất phát từ lòng yêu nước: “Nước Đại Việt....Lâu”

+ Vì thương dân (điều) đang bị giặc hành hạ mà khởi binh đánh dẹp (phạt) để diệt (trừ) lũ hung bạo (bạo): “Việc nhân nghĩa ...trừ bạo”

=> Thơ văn NT chan chứa lòng yêu nước thương dân sâu sắc.

Kết luận:

Bên cạnh nội dung yêu nước thơ văn NT còn thể hiện một tâm hồn thanh cao và một tình yêu thiên nhiên tha thiết của một người chiến sĩ – nghệ sĩ vĩ đại.

8. “...Hơn năm thế kỷ rồi, thơ Nguyễn Trãi không bao giờ ngủ, (...). Trong thơ ông, nỗi đau khổ riêng mình cũng đồng thời là nỗi khổ đau của nước nhà, vì ông là kết tinh hình ảnh của trung với hiếu, của lo nước yêu dân, khắc khoải như con cuốc suốt một đời, cho đến chết rồi, lòng ưu ái của ông vẫn cứ còn cháy ran trên trang thơ, trong lịch sử”

(Ba thi hào dân tộc - Xuân Diệu)

Bằng hiểu biết của mình về thơ văn Nguyễn Trãi, Anh/chị hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

* Mở bài: giới thiệu vấn đề nghị luận.
* Thân bài: có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau nhưng cần làm rõ các ý sau:
Giải thích được nhận định: Xuân Diệu khẳng định
- Cuộc đời Nguyễn Trãi, thơ văn NT là kết tinh hình ảnh của trung với hiếu - Cuộc đời Nguyễn Trãi, thơ văn Nguyễn Trãi là kết tinh hình ảnh của lo nước yêu dân
Chứng minh nhận định: Qua Đại cáo bình Ngô, qua một số bài thơ trong Quốc âm thi tập,Ức Trai thi tập Đây là một nhận định đúng: - Thơ NT thể hiện tấm lòng yêu nước sâu sắc, mãnh liệt Lấy dẫn chứng - Thơ NT thể hiện nỗi đau đời, thể hiện tấm lòng thương dân sâu sắc, hiện lên chân dung một con người suốt đời lo nước thương đời “ lo trước thiên hạ và vui sau thiên hạ” Lấy dẫn chứng - Thơ NT thể hiện tư tưởng nhân nghĩa cao đẹp mà biểu hiện cao nhất là tư tưởng lấy dân làm gốc. (cần chú thích thêm: Và cũng bởi yêu dân, trọng dân nên cuộc đời của ông chịu nhiều oan khuất bởi có rất nhiều người trong vương triều lúc bấy giờ không đồng tình với quan điểm đó) Lấy dẫn chứng
Đánh giá nhận định
- Nhận định đã thể hiện cái nhìn sâu sắc về con người và thơ văn Nguyễn Trãi: Đó là một con người toàn đức, toàn tài, toàn thiện nhưng phải chịu án oan thảm khốc nhất trong lịch sử Việt Nam. Một người anh hùng nhưng cũng là một con người trần thế nhất trần gian.

- Góp phần làm nổi bật nội dung tư tưởng trong thơ Nguyễn Trãi: Đó là tư tưởng ưu quốc ái dân. Thơ văn NT: có giá trị nghệ thuật và giá trị tư tưởng lớn
- > Nhận định có tầm khái quát cao
- * Kết bài: khái quát lại vấn đề: Thơ văn NT có giá trị to lớn, có sức sống bền lâu trong đời sống văn hóa tinh thần của dân tộc.

9.

LUYỆN ĐỀ

VỀ TÁC PHẨM ĐẠI CÁO BÌNH NGÔ CỦA NGUYỄN TRÃI

1. Từ xưa người ta nhận định bài Đại cáo bình Ngô là “Thiên cổ hùng văn”. Hãy giải thích ý lời nhận định trên và phân tích bài cáo để làm sáng tỏ nhận định đó?

Gợi ý:

*Giải thích “Thiên cổ hùng văn”; áng văn hùng tráng cả nghìn đời còn lưu truyền.

Vì:

- Nội dung thể hiện một tinh thần yêu nước mãnh liệt, tinh thần chiến đấu hết sức mạnh mẽ quyết liệt, khí thế hào hùng, lòng căm thù giặc sôi sục.
- Ghi lại một thời kì đau thương mà oanh liệt của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Minh với những chiến lược chiến thuật hết sức đúng đắn và sáng tạo đã đem lại những trận đánh long trời lở đất làm cho quân thù phải khiếp sợ, đẩy chúng đến sự thất bại toàn diện và nhục nhã.
- Với nghệ thuật xuất sắc: lời văn biền ngẫu hùng tráng, hơi văn cuộn cuộn như bão giông, sóng lớn, từ ngữ sắc bén như những nhát dao chém vào quân xâm lược, phép đối kết hợp với cấu trúc câu của loại phú cận thể tạo nên tiết tấu mạnh mẽ thể hiện cảm xúc hào sảng bừng bừng trong huyết quản của tác giả ngay trong những ngày nghĩa quân Lam Sơn thắng trận giòn giã.
- ☐ Bài cáo mãi là âm vang hào hùng trên non sông đất Việt và ghi lại được ý chí, khát vọng chiến thắng, hoà bình, độc lập của toàn dân vì:
 - Vì đã khẳng định được quyền tự chủ và ý chí chiến đấu đến cùng để giành quyền tự chủ của dân tộc trước một tên xâm lược sừng sỏ nhất châu Á

- Bài cáo còn nêu cao tư tưởng nhân nghĩa để khẳng định đạo lí ngàn đời của nhân dân VN.

- Sự bất hủ của bài cáo còn là do thiên tài nghệ thuật của NT

- Sự tồn tại vượt thời gian của bài cáo còn có sự góp phần của dịch giả -> bài dịch chữ Nôm quả là một công trình dịch thuật xuất sắc.

*Chứng minh:

- BNĐC là bản hùng ca xuất sắc về nội dung và nghệ thuật:

+ Ca ngợi đất nước và dân tộc với lối văn trong sáng tràn đầy sức mạnh của lòng tự tin và tự hào : “Như nước ĐV.....còn ghi”

+ Một bản cáo trạng đanh thép về tội ác của quân xâm lược “Nướng.....chịu được” -> thể hiện lòng căm thù sôi sục của tác giả:

□ Nỗi niềm trăn trở âu lo cho vận mệnh của đất nước thể hiện tình yêu nước thương dân sâu sắc “ Ngẫm thù lớn.....đề hòi”

□ Cảm xúc dạt dào khi có cơ hội khởi nghĩa, khi tập hợp được lực lượng nhân dân, khi lực lượng nghĩa quân đã phát triển: “nhân dân bốn cõi...phối”

□ Chiến lược, chiến thuật tài tình và chiến thắng vang dội là trọng tâm làm nên cảm xúc vừa mãnh liệt vừa trữ tình cho áng văn chương bất hủ: “Thế trận xuất kì lấy yếu chống mạnh...” , “Đem đại nghĩa...tàn”

+ Các câu tường thuật chiến thắng là những lời hào hùng nhất như có sức mạnh xô núi, lấp biển “ Trận Bồ Đằng....ngàn năm”, “Ngày mười tám...”, “ Gươm mài đá....”

+ Kết thúc bài cáo là những lời ca trang trọng và tươi vui nhất, là niềm hạnh phúc dạt dào.

=> Tư tưởng nhân nghĩa là nguồn gốc của giá trị văn chương, là cái bệ phóng để đưa tác phẩm từ quá khứ vào tương lai và trường tồn mãi mãi.

2. Mở đầu bài Bình Ngô đại cáo NT có viết “Việc nhân nghĩa... bạo”. Em hiểu hai câu thơ như thế nào? Hãy chứng minh rằng tư tưởng đó đã được NT thể hiện qua suốt bài Bình Ngô đại cáo

Gợi ý:

* Giải thích:

- “Nhân nghĩa”: Cốt lấy việc “yên dân” làm mục đích

- Yên dân: làm cho dân được sống yên ổn, an cư lạc nghiệp

=> quan niệm của NT có tính nhân dân.

- Nhân nghĩa phải trừ kẻ tàn bạo:

- + Nhân nghĩa ko thụ động mà phải tích cực hành động.
- + Trừ bạo để yên dân.

*Chứng minh:

- Xét việc quá khứ:

- + Những triều đại hưng thịnh đều do lấy việc “yên dân” làm gốc.
- + Những kẻ bạo tàn, phi nghĩa, làm hại việc yên dân đều chuốc lấy thất bại:

“Lưu Cung.....Ô Mã”

- Xét tội ác của giặc Minh:

+ Nhiều vô kể, tác giả ko chỉ tố cáo tội ác của giặc và khẳng định đó là tội ác “trời không dung đất không tha” mà còn bày tỏ lòng căm phẫn của mình □ thể hiện tư tưởng yên dân trừ bạo.

- Nhìn lại buổi đầu cuộc kháng chiến chống Minh: Đó là cuộc chiến đấu vô cùng khó khăn nhưng là cuộc chiến đấu vì dân trừ bạo □ người lãnh đạo biết dựa vào sức dân (D?c)

+ Lược thuật các chiến công: Nhờ có chính nghĩa, có chiến lược quân sự tài giỏi nên ta đã trừ được bạo tàn

- + Vì “Yên dân” nên tha cho giặc về nước, bảo toàn lực lượng của ta (D/c)

- Tuyên bố kết thúc cuộc chiến tranh:

- + Chiến thắng là để thanh bình, để duy tân, thực hiện được lí tưởng “yên dân”

=> Từ tưởng “yên dân trừ bạo” là quan điểm lớn để lí giải cái đúng sai, thành bại mang quan điểm nhân dân, lòng yêu nước của NT xuyên suốt bài BNĐC.

3. Tinh thần nhân đạo thể hiện trong Đại cáo bình Ngô

- Nguồn gốc của chủ nghĩa nhân đạo trong văn học trung đại bắt nguồn từ truyền thống nhân đạo của người Việt Nam, từ cội nguồn văn học dân gian, chịu ảnh hưởng của tư tưởng nhân văn tích cực vốn có của Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo. Chủ nghĩa nhân đạo trong văn học trung đại được thể hiện phong phú, đa dạng ở lòng thương người, lên án, tố cáo các thế lực tàn bạo chà đạp lên con người, đồng thời khẳng định, đề cao con người về mối quan hệ đạo đức, lối sống tốt đẹp giữa người

với người. Trong tác phẩm “*Bình Ngô đại cáo*”, những đặc điểm trên đã được Nguyễn Trãi thể hiện hết sức điêu luyện, và phải là một người thực sự có tâm với nước với dân thì mới có thể viết được như vậy.

- Tội ác của giặc Minh nhiều không kể xiết, chúng không từ bất kì một thủ đoạn nào để cướp nước ta. Trong “*Bình Ngô đại cáo*” tội ác bất dung của chúng đã được Nguyễn Trãi tái hiện lại hết sức chi tiết khiến cho người đọc cũng cảm thấy rùng mình và khiếp sợ.

“Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn

Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ”

không dừng ở đó chúng còn đặt ra hàng trăm nghìn thứ thuế để bóp cổ dân ta, bắt dân ta kẻ bị vào chốn “*Rừng sâu nước độc*” để “*Vét sản vật, bắt dò chim sẻ, chốn chốn lưới chăng*”, “*Kẻ bị đem vào núi đãi cát tìm vàng- khôn nổi rừng sâu nước độc*”, “*Kẻ bị đem xuống biển dòng lưng mò ngọc, ngán thay cá mập thuồng luồng*”. Vô cùng căm phẫn trước tình cảnh đất nước làm than, Nguyễn Trãi không thể nào ăn ngon ngủ yên, ông luôn trăn trở nghĩ suy cho vận mệnh đất nước, cho nỗi cơ cực kinh hoàng của nhân dân:

“Căm giặc nước thề không cùng sống

Đau lòng nhức óc, chốc đà mười mấy năm trời

Ném mật nằm gai, há phải một hai sớm tối.

Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh”

- Tinh thần nhân đạo của Nguyễn Trãi không chỉ bó hẹp ở chỗ thương dân, mà nó còn lan rộng ra thành lòng độ lượng từ bi, sẵn sàng mở lượng khoan hồng, cùng với Lê Lợi cung cấp lương thực, thuyền bè và những phương tiện cần thiết khác hỗ trợ cho giặc Minh bị thất trận, đầu hàng về nước. Không những không đuổi cùng giết tận bọn giặc hung tàn, nghĩa quân Lam Sơn còn ban cho họ một cơ hội sống thứ hai vì họ đã xin đầu hàng. Lê Lợi đã kết thúc chiến tranh, "mở đường hiếu sinh" trao trả cho nhà Minh hàng chục vạn tù binh.

"Họ đã tham sống sợ chết mà hòa hiếu thực lòng

Ta lấy toàn quân là hơn, để nhân dân nghỉ sức".

- Khởi nghĩa để "trừ bạo " và "yên dân ", kết thúc chiến tranh để chấm dứt đổ máu, để bảo vệ "toàn quân ", "để nhân dân nghỉ sức ".

*Thần vũ chẳng giết hại,
Thế lòng trời ta mở đường hiếu sinh
Mã Kỳ, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền,
Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa,*

Vô vàn những tội ác dã man, khốc liệt mà giặc Minh đã nhấn tâm đè nặng lên dân ta, khiến dân ta phải sống trong cảnh địa ngục trần gian, đất nước ta bị chia cắt, đau khổ, uất hận không sao kể hết. Nhưng khi cuộc chiến tranh cứu nước giành thắng lợi, giặc Minh tháo chạy, đầu hàng, ta không tính toán món nợ oán thù mà còn đưa tay cứu vớt, cho họ một con đường quay đầu là bờ, đối đãi với họ bằng nhân nghĩa, “lấy chí nhân để thay cường đạo”. Dân ta chỉ mong muốn tạo dựng một cuộc sống ấm no, đất nước yên ổn, hòa bình, an cư lạc nghiệp chứ không muốn tạo thêm oán thù biết trả đến đời nào xong.

4. Nghệ thuật của Bình Ngô đại cáo

- Thể loại: thể cáo, một thể văn có nguồn gốc từ Trung Hoa, viết bằng chữ Hán, thuộc thể văn hùng biện chính luận, có nội dung thông báo một chính sách, một sự kiện trọng đại liên quan đến quốc gia dân tộc, công báo trước toàn dân. Bài cáo có bố cục chặt chẽ mạch lạc, viết theo lối biền ngẫu, vận dụng thể tứ lục, sử dụng hệ thống hình tượng sinh động, gợi cảm.

- Ngôn từ chỉ dành cho việc ghi chép lại quá trình chiến đấu gian khổ và chiến thắng của quân dân ta và quá trình thất bại dẫn đến thảm bại hoàn toàn của quân Minh. Giá trị sử học của đoạn văn này rất nổi bật thể hiện ở sự ghi chép trung thực nhiều sự kiện lịch sử và khái quát sâu sắc nhiều chân lý lớn của thời đại. Bên cạnh đó nghệ thuật sáng tạo văn chương của tác giả cũng hết sức xuất sắc. Những chặng đường chính của quá trình chinh chiến hàng chục năm được kể lại tường tận mà không hề buồn vì bút pháp của tác giả rất linh hoạt: vừa kể lại những chiến thắng của quân ta, vừa đúc kết những nguyên lý quân sự và những chân lý nhân sinh; vừa tự sự về những thất bại liên tiếp của quân giặc vừa kết hợp luận tội chúng, đặt chúng trong sự tương phản với quân ta. Sự lúng túng, thất bại của quân xâm lược không chỉ thấy qua những sự kiện mà còn thể hiện bằng những bức biếm họa từ vua quan đến tướng sĩ phương Bắc.

- Văn biên ngẫu chỉ yêu cầu cơ bản là mỗi câu gồm hai vế cân xứng còn độ dài câu văn, sự ngắt nhịp là do cảm quan của từng người viết. Nguyễn Trãi rất linh hoạt chính ở chỗ đây bó buộc này. Nhạc tính của câu văn Bình Ngô đại cáo đa dạng, phù hợp với nội dung câu văn tự sự, trữ tình hay nghị luận. Ông tuyên ngôn bằng câu súc tích, chắc nịch Ngã Đại Việt chi quốc, thực vi văn hiến chi bang. Miêu tả tội ác quân thù, ông lại sử dụng thủ pháp trùng điệp, như cố ghi hết tội ác to lớn, trời không dung, đất không tha của chúng.

- Nghệ thuật miêu tả các trận đánh dùng lối đặc tả, rất biến hóa, lúc ghi lại hình ảnh thảm bại, thảm họa của lũ tướng tá Thiên triều, lúc thì miêu tả cảnh chiến trường rùng rợn. Kết cấu tương phản đối lập được tác giả vận dụng sáng tạo để làm nổi bật giữa ta và địch, chính nghĩa và phi nghĩa, đại thắng và đại bại... Cách dùng từ, sáng tạo hình ảnh, các biện pháp đối xứng và thậm xưng cho thấy một bút pháp nghệ thuật kỳ tài, tạo nên âm điệu anh hùng ca. "Bình Ngô đại cáo " là khúc ca thắng trận vô cùng oanh liệt, cho ta bao xúc động tự hào:

"Gươm mài đá, đá núi cũng mòn,
Voi uống nước, nước sông phải cạn.
Đánh một trận, sạch không kình ngạc,
Đánh hai trận, tan tác chim muông..."

- Sự kết hợp hài hòa, hiệu quả giữa yếu tố chính luận sắc bén với yếu tố văn chương truyền cảm, kết hợp giữa lí luận chặt chẽ và hình tượng nghệ thuật sinh động. Cảm hứng nổi bật xuyên suốt tác phẩm là cảm hứng anh hùng ca hào hùng sôi nổi, mãnh liệt. Giọng điệu của bài cáo rất đa dạng, khi tự hào về truyền thống văn hóa, anh hùng lâu đời của dân tộc, khi thì căm phẫn sôi sục trước tội ác của kẻ thù, khi thông thiết xót thương trước nỗi đau lầm than của nhân dân, khi lo lắng trước những khó khăn của cuộc kháng chiến, khi hào hùng ngợi ca chiến thắng, khi trịnh trọng tuyên bố độc lập của dân tộc, đất nước.

"Bình Ngô đại cáo "cho ta thấy một bút lực và tài học vô song của Ức Trai. Cáo là một thể văn cổ điển rất trang nghiêm, để thông báo cho toàn dân một sự kiện quan trọng. Sự nghiệp "bình Ngô " kéo dài trong 10 năm trời. Quân và dân ta trải qua muôn vàn gian lao thử thách, lập bao chiến công lẫy lừng..., từ những tháng năm lầm than đến ngày toàn thắng "bốn phương bình cá thanh bình ", thế mà Nguyễn Trãi đã

viết một cách hàm súc: bài *đại cáo* chỉ dài 1343 chữ. Cảm hứng nhân nghĩa, cảm hứng anh hùng và khát vọng độc lập, hoà bình đã tạo nên tầm vóc văn chương, màu sắc sử thi của bài *đại cáo bình Ngô*, bản anh hùng ca Đại Việt. Ngôi bút nghệ thuật của Nguyễn Trãi rất biến hóa trong miêu tả và tự sự, trong trữ tình và bình luận, vừa sắc sảo và thâm thúy, vừa đa thanh; lúc thì đỉnh đặc, hào hùng, trang nghiêm, lúc thì thấm thiết cảm giận, lúc thì mạnh mẽ, hùng tráng... Đất nước và con người Đại Việt được nói đến trong bài *đại cáo* là một đất nước, một nhân dân văn hiến, anh hùng.

C. PHẦN KẾT LUẬN

- **Bình Ngô đại cáo** được viết để bố cáo việc hoàn tất một chiến công vệ quốc vĩ đại, bởi vậy đương nhiên phần lớn ngôn từ sẽ dành cho việc ghi chép lại quá trình chiến đấu gian khổ và chiến thắng của quân dân ta và quá trình thất bại dẫn đến thảm bại hoàn toàn của quân Minh. Giá trị sử học của đoạn văn này rất nổi bật thể hiện ở sự ghi chép trung thực nhiều sự kiện lịch sử và khái quát sâu sắc nhiều chân lý lớn của thời đại.

- Bên cạnh đó nghệ thuật sáng tạo văn chương của tác giả cũng hết sức xuất sắc. Những chặng đường chính của quá trình chinh chiến hàng chục năm được kể lại tường tận mà không hề đơn điệu vì bút pháp của tác giả rất linh hoạt: vừa kể lại những chiến thắng của quân ta, vừa đúc kết những nguyên lý quân sự và những chân lý nhân sinh; vừa tự sự về những thất bại liên tiếp của quân giặc vừa kết hợp luận tội chúng, đặt chúng trong sự tương phản với quân ta. Sự lúng túng, thất bại của quân xâm lược không chỉ thấy qua những sự kiện mà còn thể hiện bằng những bức biếm họa từ vua quan đến tướng sĩ phương bắc.

- "*Bình ngô đại cáo* " còn là một bản tổng kết chiến tranh 10 năm. Tác giả đã tái hiện lại toàn bộ diễn biến cuộc khởi nghĩa Lam Sơn từ những ngày đầu cờ nghĩa mới phát lên, trải qua những chặng đường máu lửa, trưởng thành trong thử thách hy sinh, giành thế chủ động chiến lược , tiến lên đánh bại hoàn toàn quân xâm lược. Xuyên suốt chiều dài tác phẩm ta có thể thấy được rằng, bên cạnh những câu văn đanh thép tố cáo tội ác của giặc ấy là sẵn chứa một tấm lòng trung với nước, hiếu với dân hết sức lớn lao, của vị anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi. Ông luôn coi nhân nghĩa là lẽ sống ở đời, phần nọ trước cảnh nước nhà ly tan , nhân dân lâm than đau đớn, nhưng cũng thương xót mở lòng từ bi đối với bọn giặc thất bại quy hàng chứ không

báo ân báo oán, tính toán tội lỗi xưa. Nguyễn Trãi thật sự là một tấm gương lớn về tình yêu nước thương dân để con cháu Đại Việt ngàn đời sau noi theo và học tập

5. Trong dịp kỉ niệm 600 năm ngày sinh Nguyễn Trãi, nói về Bình Ngô đại cáo, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã nhận xét: "Bình Ngô đại cáo có giá trị như bản Tuyên ngôn độc lập lần thứ hai của nước Đại Việt (...) Bình Ngô đại cáo còn là bản tuyên ngôn nhân đạo và hoà bình của nhà nước Đại Việt".

Hãy làm sáng tỏ nhận xét trên qua tác phẩm Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi.

MỞ BÀI (0.5 điểm)

- Giới thiệu về tác giả Nguyễn Trãi và tác phẩm Bình Ngô đại cáo
- Giới thiệu về vấn đề cần nghị luận: Bình Ngô đại cáo vừa có giá trị của một bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc, vừa là bản tuyên ngôn nhân đạo và hoà bình của nước ta.

Thân bài: (11 điểm):

1. Bình Ngô đại cáo là Tuyên ngôn độc lập lần thứ hai của nước Đại Việt (3 điểm)

- Trong lịch sử dân tộc, bài thơ Nam quốc sơn hà (Lý Thường Kiệt) được đánh giá là bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên. Tiếp theo Nam quốc sơn hà, tác phẩm Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi chính là Tuyên ngôn độc lập lần thứ hai trong lịch sử nước ta.
- Bình Ngô đại cáo thể hiện một nhận thức toàn diện, sâu sắc về quyền dân tộc, quốc gia, thể hiện ý thức tự cường, tự chủ của dân tộc Đại Việt.
- + Toàn diện vì ngoài hai yếu tố lãnh thổ, chủ quyền (đã nêu trong Nam quốc sơn hà), còn thêm những yếu tố cơ bản, quan trọng khác: văn hiến, phong tục, lịch sử :

"Nước Đại Việt ta từ trước

... Sông hào kiệt đời nào cũng có"

+ Sâu sắc vì coi văn hiến, lịch sử là hạt nhân cơ bản để xác định độc lập dân tộc của Đại Việt, đặt dân tộc ta sánh ngang với phương Bắc - đều làm "đế" một phương, tự hào vì có lịch sử và văn hiến lâu đời.

2. Bình Ngô đại cáo là bản Tuyên ngôn nhân đạo (3 điểm):

- Tư tưởng nhân nghĩa sáng ngời việc gì yên dân nên làm, kẻ bạo ngược hại

dân nên trừ đã được nêu cao như là mục đích của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân

Quân điều phạt trước lo trừ bạo

- Tư tưởng nhân nghĩa đã trở thành phương châm chiến đấu của của cuộc khởi nghĩa:

Dem đại nghĩa để thắng hung tàn

Lấy chí nhân để thay cường bạo

- Tư tưởng nhân đạo tha thiết thể hiện trong nỗi đau xót trước thảm họa của nhân dân, là bản cáo trạng đanh thép về tội ác của quân xâm lược "Vừa rồi nhân họ Hồ chính sự phiền hà Lẽ nào thần dân chịu được"; mở đường "hiếu sinh" cho hàng chục vạn quân giặc khi đã thất bại đầu hàng "Thần vũ chẳng giết hại chân run".

3. Bình Ngô đại cáo còn là bản tuyên ngôn hoà bình của nhà nước Đại Việt. (3 điểm)

- Nêu cao khát vọng hoà bình của dân tộc Đại Việt, chủ trương hoà hiếu giữa hai quốc gia, dân tộc: "Họ đã tham sống sợ chết ... nhân dân nghỉ sức"

- Bài cáo kết thúc bằng việc mở ra một thời kì mới của đất nước trong hoà bình, độc lập, thể hiện ước vọng và niềm tin vào tương lai của đất nước: "Xã tắc từ đây ... vết nhọc nhã sạch lầu".

4. Nghệ thuật văn chính luận đạt đến trình độ mẫu mực, cổ điển (1 điểm)

- Cấu trúc tác phẩm hoàn chỉnh: bố cục, hệ thống ý cân đối, chặt chẽ; có sự liên mạch, nhất quán trong hồi văn, giọng văn.

- Khả năng sáng tạo hình tượng đa dạng, phong phú, biến hoá.

- Sự kết hợp đa dạng nhiều bút pháp: bút pháp chính luận với miêu tả, tái hiện lịch sử, bút pháp trữ tình với bút pháp anh hùng ca.

- Ngôn ngữ phong phú, đặc sắc. Câu văn biến ngãy linh hoạt, tạo ra nhịp điệu phù hợp với cảm xúc từng đoạn.

5. Giá trị tư tưởng to lớn của tác phẩm là sự kết tinh tư tưởng của lịch sử, của thời đại, đồng thời là tâm cao tư tưởng của Nguyễn Trãi - nhân vật toàn tài, kiệt xuất nhất của lịch sử phong kiến Việt Nam. (1 điểm)

KẾT LUẬN (0.5 điểm)

- Đánh giá tài năng của Nguyễn Trãi qua tác phẩm Bình Ngô đại cáo
- Nêu cảm nghĩ của bản thân về tác phẩm, ý nghĩa lớn lao và tầm ảnh hưởng của tác phẩm.

DẠNG ĐỀ TRONG MỘT TÁC PHẨM

1. Tổ lòng của Phạm Ngũ Lão

a) Phân tích

* Khái quát:

- Phạm Ngũ Lão là anh hùng dân tộc có công lớn trong cuộc chống xâm lược Mông – Nguyên.

- Nội dung:

+ Vóc dáng hùng tráng:

- ☐ Hình ảnh tráng sĩ với tư thế hiên ngang, vẻ đẹp kì vĩ mang tầm vóc cũ trụ.
- ☐ Hình ảnh “ba quân” với sức mạnh của một đội quân đang sôi sục khí thế quyết chiến, quyết thắng.
- ☐ Hình ảnh tráng sĩ lồng trong hình ảnh ba quân mang ý nghĩa khái quát, gợi ra hào khí dân tộc thời Trần – Hào khí Đông A.

+ Khát vọng hào hùng:

- ☐ Khát vọng lập công danh để thỏa “chí nam nhi”, cũng là khát vọng được đem tài trí “tận trung báo quốc” – thể hiện lẽ sống lớn của con người thời đại Đông A.

- Nghệ thuật:

- + Hình ảnh thơ hoành tráng, thích hợp với việc tái hiện khí thế hào hùng của thời đại và tầm vóc, chí hướng của người anh hùng.

- + Ngôn ngữ cô đọng, hàm súc, có sự dồn nén cao độ về cảm xúc.

=> Vẻ đẹp của con người thời Trần với tầm vóc, tư thế lớn lao, cao cả; vẻ đẹp của thời đại với khí thế hào hùng, tinh thần quyết chiến quyết thắng.

- Ý nghĩa văn bản: *Thể hiện lí tưởng cao cả của vị danh tướng Phạm Ngũ Lão, khắc ghi dấu ấn đáng tự hào về một thời kì oanh liệt, hào hùng của lịch sử dân tộc.*

- Nhan đề: - “Tổ lòng” dịch từ *thuật hoài* nghĩa là bày tỏ khát vọng và hoài bão trong lòng của một vị tướng đời Trần.

1. Mở bài:

Thời Trần đã hun đúc nên những nhân vật kì vĩ, trong đó có Phạm Ngũ Lão – sản phẩm của hoà khí Đông A. Ông vốn xuất thân từ tầng lớp bình dân. Tài năng cùng với lí tưởng yêu nước sáng ngời đã tạo nên một con người VN ưu tú trong lịch sử văn võ toàn tài. Tài võ ông đem cống hiến cho sự nghiệp cứu nước, tài văn dùng để bày tỏ cõi lòng với bè bạn, hậu thế và trước hết là tự nói với mình về ý thức trách nhiệm thiêng liêng, nghĩa vụ cao cả với Tổ Quốc yêu quý. Tỏ lòng chính là tiếng nói của một trái tim yêu nước thiết tha, qua tiếng nói ấy ta thấy hiện lên một trang nam nhi yêu nước thời Trần.

2. Thân bài:

a. Vẻ đẹp của trang nam nhi yêu nước thời Trần:

Chọn thể thơ tứ tuyệt, hàm súc, ít lời mà có sức gợi lớn, ý tứ sâu xa, phù hợp với cách nói chắc nịch của một vị tướng vẫy vùng nơi trận mạc để bày tỏ khát vọng và hoài bão của mình qua một hình tượng kì vĩ.

- Câu đầu mở ra hình ảnh một tráng nam nhi với tư thế hiên ngang, tầm vóc vũ trụ, hành động kì vĩ:

Hoành sóc giang sơn kháp kỉ thu

(Cầm ngang ngọn giáo gìn giữ non sông đã mấy thu)

+ Tráng sĩ ko “múa giáo” mà cầm ngang ngọn giáo-> tư thế tĩnh chứ ko động-> như một sự dồn nén để bùng nổ. Tầm nhìn của tráng sĩ bao quát cả non sông=> như một người chủ đang canh giữ giang sơn quý báu của mình, sẵn sàng đón đánh quân cướp nước

+ Ngọn giáo cầm trong tay tráng sĩ như đo được chiều rộng, chiều dài của Tổ quốc, ngọn giáo sẵn sàng bảo vệ, giữ gìn từng tấc đất của quê hương, ko để cho quân thù tàn phá, giày xéo.

+ Khát vọng bảo vệ tổ quốc dồn vào đôi cánh tay tráng sĩ đang chắc ngọn giáo, bất chấp sự trôi qua của thời gian=> thời gian khiến cho nhiều thứ thay đổi duy nhất có khát vọng gìn giữ giang sơn là ko thay đổi trong tâm lòng của trang nam nhi PNL

=> Tám lòng son sắt của PNL với quê hương đất nước, tư thế hiên ngang凛凛, giọng điệu bình tĩnh, khiêm nhường ẩn chứa một sức mạnh tiềm tàng, một ý chí sắt đá, một quyết tâm ko gì lay chuyển nổi. Đi cứu nước là niềm tự hào, kiêu hãnh, là hạnh phúc lớn lao của kẻ làm trai đời Trần./

b. Sức mạnh của quân đội nhà Trần:

- Tráng sĩ chiến đấu ko đơn độc mà sát cánh cùng “ba quân” với khí thế ngất trời. Bởi khi Tổ quốc bị xâm lăng, lòng yêu nước lại sôi nổi, cả dân tộc kết thành một khối sức mạnh::

Tam quân.....ngưu

(Ba quân như hổ báo , khí thế hùng dũng nuốt trôi trâu)

- PNL nói về quân đội nhà TRẦN mà ông là tướng chỉ huy, với niềm kiêu hãnh và tự hào chính đáng- Đội quân anh hùng ấy cùng với nhân dân cả nước đã và sẽ đánh tan quân xâm lược nhà ngừề hung hãn bậc nhất thế giới lúc bấy giờ

+Ba quân như hổ báo: trên thực tế đã ba lần xé xác, nuốt trôi quân đội “trâu diên” hung hãn và to xác-> tự hào và kiêu hãnh là đương nhiên

+ Sinh vào thời Trần, ai cũng có cơ hội trở thành anh hùng, điều ấy đã được minh chứng bằng những sự kiện lịch sử:

* Hai chữ “Sát thát”(giết giặc thát) được thích lên hai cánh tay người lính đời Trần.

* Sáu chữ vàng được thêu trên lá cờ của người thiếu niên Trần Quốc Toản: “Phá cường địch, Báo Hoàng Ân”

*Tám chữ được thích ở ngực, ở bụng những người dân quê lam lũ mà một sứ giả nhà Nguyên sang VN năm 1293 đã tận mắt nhìn thấy và ghi chép vào kí sự của ông : “ Nghĩa dĩ quên khu, hình vu báo quốc” (Vì nghĩa quên thân, thể hiện ở việc báo ân nước”

=> Tất cả họ tập hợp lại thành ba quân khí mạnh sẵn sàng lăn xả vào bọn giặc dữ khi chúng tràn đến-> “Giống hổ báo tuy còn nhỏ, lưng chưa có vằn, nhưng đủ sức nuốt trôi trâu” (Chi Tử)

2. Chí làm trai của người anh hùng:

- Câu chuyện có ý nghĩa then chốt, chuyển cả ý thơ, dạng cảm xúc-> PNL dùng câu quan trọng này để nói về hoài bão và lí tưởng của mình. Câu thơ vang lên như một tuyên ngôn về lí tưởng của người anh hùng:

“ Nam nhi.....trái”

(Thân nam nhi mà chưa trả xong nợ công danh)

+ Làm trai trên đời phải có công danh, sự nghiệp-> chứng tỏ cái chí của người quân tử, góp sức với đời, góp công với nước-> lí tưởng cao cả của đấng trượng phu, bậc quân tử thời xưa theo đuổi. Họ quan niệm sinh ra là trai phải nợ công danh “*Không có công danh thời nát với cỏ cây*” (Nguyễn Công Trứ)-> lí tưởng ấy một thời khá dài đã phát huy tính tích cực: Các thế hệ người con VN đã sống say mê, mãnh liệt, với lí tưởng và lưu danh muôn đời với sự nghiệp lớn lao có ích cho đất nước và XH

+ PNL gắn chí nam nhi với lí tưởng yêu nước thiêng liêng, với sự nghiệp cứu nước gian khổ mà cực kì vẻ vang. Chí nam nhi là “*món nợ nam tử*” đẹp đẽ cao quý “*Nợ tang bồng trong trắng vỗ tay reo*” (Nguyễn Công Trứ). Còn với PNL khát vọng hiến dâng còn mãnh liệt vô cùng

Câu hợp: Thể hiện khát vọng, ước mơ, hoài bão mãnh liệt của tác giả:

“Tu thính....hầu”

(Thì luống thẹn thùng khi nghe người đời kể chuyện Vũ Hầu”

- Nỗi thẹn xuất hiện trong lòng , suốt cuộc đời PNL ko làm điều gì thẹn với dân, với nước, với chính mình-> đây là cách nói khiêm nhường, một cách thể hiện khát vọng, hoài bão mãnh liệt trong lòng. Vì ông cho rằng mình chưa trả được cái nợ công danh, chưa bằng Vũ Hầu khi phụng sự nhà Hán =>Nỗi thẹn cao cả làm nên một nhân cách lớn-> khẳng định đề cao ý thức trách nhiệm của PNL với nước với dân.

KB:

Bài thơ là tiếng nói của một trái tim yêu nước mãnh liệt, thiết tha. Chủ thể trữ tình ẩn dưới danh từ chung “nam nhi”, nhắc đến “tam quân tì hổ” đông đảo, hùng hậu=> bài thơ vừa bộc lộ khát vọng của nhà thơ, vừa bày tỏ trách nhiệm đối với đất nước, tình cảm, ý chí, khí phách của quân dân nhà Trần- những người làm rạng danh đất nước một thời-> “Hào khí Đông A”- cảm hứng yêu nước trong thơ

b) Cảm nhận của anh (chị) về vẻ đẹp của hình tượng người nam nhi thời đại nhà Trần qua bài thơ “Tổ lòng” (Thuật hoài) của tác giả Phạm Ngũ Lão:

*Múa giáo non sông trải mấy thu,
Ba quân khí mạnh nuốt trôi trâu.
Công danh nam tử còn vương nợ,
Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu.*

(Bản dịch thơ SGK Ngữ văn 10, Tập 1, Trang 116)

1. Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm

2. Hai câu thơ đầu:

- Không gian, thời gian đều mang tầm vóc lớn lao, kì vĩ. Đó là không gian của “núi sông”, là thời gian trải dài qua “mấy thu”.
- Hình ảnh trang nam nhi thời đại nhà Trần xuất hiện với tầm nhìn như bao quát cả non sông, với hành động “cầm ngang ngọn giáo” như đang đo chiều rộng và chiều dài của Tổ quốc. Đó là con người với tư thế chủ động, sẵn sàng chiến đấu, hi sinh để bảo vệ từng tấc đất của quê hương.
- Những con người anh hùng đó góp phần làm nòng cốt đội quân dũng mãnh, mang sức “mạnh như hổ báo”, có thể “nuốt trôi trâu” (So sánh, phóng đại, cường điệu hoá) tập hợp thành một đội quân có sức mạnh vô địch của dân tộc ta vào thời điểm ấy.
- Vẻ đẹp của hình tượng trang nam nhi thời đại nhà Trần xuất hiện ở hai câu thơ mở đầu với tư thế hiên ngang, mang tầm vóc vũ trụ như át cả không gian bao la.

-> Li tưởng cứu nước, bảo vệ non sông là niềm tự hào, kiêu hãnh và cũng là niềm hạnh phúc lớn lao của người con trai thời đại nhà Trần. Tác giả gián tiếp tỏ lòng tự hào và tin tưởng vào sức mạnh của đội quân nhà Trần...

3. Hai câu thơ cuối:

- Đó là vẻ đẹp của những con người với khát vọng lập công danh (sự nghiệp và tiếng thơm) cho non sông và đất nước. Lời của Phạm Ngũ Lão cũng là lời của những trang nam nhi vào thời điểm đó. Với họ, tự xác định mình còn vương nợ với non sông thực chất là sự ý thức về trách nhiệm của mình trước đất nước.
- Đó là vẻ đẹp của khát vọng được trở thành người trí dũng song toàn như Vũ hầu Gia Cát Lượng đời Hán để cống hiến nhiều hơn cho đất nước và non sông.

□ **Cái đáng quý trong vẻ đẹp của những trang nam nhi thời đại nhà Trần, đó là với họ, sự nghiệp công danh của cá nhân luôn thống nhất với sự nghiệp cứu dân, cứu nước. Chính họ đã góp phần tạo nên hào khí của một thời đại bất tử trong lòng dân tộc – Hào khí thời đại nhà Trần – Hào khí Đông A.**

2. Cảnh ngày hè của Nguyễn Trãi.

Khái quát:

**Vẻ đẹp rực rỡ của bức tranh thiên nhiên:*

- Mọi hình ảnh đều sống động:
 - + hộc lục đèn đèn, rợp mát như gương pp che rợp
 - + thạch lựu phun trào sắc đỏ
 - + sen hồng đang độ nước ngát mùi hương
- Mọi màu sắc đều đậm đà: hộc lục, lựu đỏ, sen hồng

** Vẻ đẹp thanh bình của bức tranh đời sống con người:*

- + nơi chợ cá dân dã thì “lao xao”, tấp nập
- + chôn lều gác thì “ dăng dỏi” tiếng ve như một bản đàn

=> Cả thiên nhiên và cuộc sống con người đều tràn đầy sức sống. Điều đó cho thấy một tâm hồn khát sống, yêu đời mãnh liệt và tinh tế, giàu chất nghệ sĩ của tác giả.

** Niềm khát khao cao đẹp:*

- Đắm mình trong cảnh ngày hè, nhà thơ ước có cây đàn của vua Thuấn, gảy khúc *Nam phong* cầu mưa thuận gió hòa để “Dân giàu đủ khắp đòi phương”.
- Lấy Nghiêu, Thuấn làm “gương báu răn mình”, Nguyễn Trãi đã bộc lộ chí hướng cao cả: luôn khát khao đem tài chí để thực hành tư tưởng nhân nghĩa yêu nước thương dân.

** Nghệ thuật*

- Hệ thống ngôn từ giản dị, tinh tế xen lẫn từ Hán và điển tích
- Sử dụng từ láy độc đáo: *đèn đèn, lao xao, dăng dỏi,...*

=>Thể hiện tư tưởng lớn xuyên suốt sự nghiệp trước tác của Nguyễn Trãi – tư tưởng nhân nghĩa yêu nước thương dân – được thể hiện qua những rung động trữ tình dạt dào trước cảnh thiên nhiên ngày hè.

*** Phân tích:**

a) Vẻ đẹp của bài thơ

- Nguyễn Trãi là con người có bản lĩnh vững vàng. Cuộc sống nơi cung đình có thể đầy sự bon chen, cạm bẫy, nhưng thiên nhiên của đất nước vẫn muôn đời tươi đẹp. Nguyễn Trãi đã có lần tâm sự: “*Non nước cùng ta đã có duyên*” (Tự thán – bài 4). Tình yêu thiên nhiên là biểu hiện một cách sâu sắc một tư cách văn hóa, một thái độ nhân văn cao quý đáng trân trọng của NT □ Đọc thơ ông, ta thấy dù trong bất kì hoàn cảnh nào ông cũng rộng mở tấm lòng để đón nhận vẻ đẹp của thiên nhiên với “Túi thơ chứa hết mọi giang san” (Tự thán- bài 2)

- Bài *Cảnh ngày hè* đã mang đến cho bạn đọc một bức tranh mùa hè rất sinh động và tràn ngập sức sống. Tâm trạng thi sĩ đầy phấn chấn khi đưa nét bút miêu tả thiên nhiên.

*** Vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên, cuộc sống:**

- Thi nhân xưa đến với thiên nhiên thường bằng bút pháp vịnh, còn NT lại thiên về bút pháp tả. Hiện lên trước mắt người đọc là một bức tranh ngà hà rất sinh động và đầy sức sống.

+ *Tính sinh động* của bức tranh được tạo nên bởi sự kết hợp giữa đường nét, màu sắc, âm thanh, con người và cảnh vật:

□ màu lục của lá hòe làm nổi bật màu đỏ của hoa thạch lựu, ánh mặt trời buổi chiều như dát vàng lên những tán lá hòe xanh; tiếng ve inh ỏi- âm thanh đặc trưng của mùa hè, hòa cùng tiếng “lao xao chợ cá”- âm thanh đặc trưng của làng chài.

□ Về thời gian, cảnh vật đang ở vào lúc cuối ngày (*lầu tịch dương* – lầu lúc mặt trời sắp lặn). Nhưng sự sống thì không dừng lại.

+) Cách tác giả dùng động từ *đùn đùn, giương, phun* □ có một cái gì đó thôi thúc tự bên trong, đang ứa căng, đang tràn đầy, ko kìm lại được, phải *giương* lên, phải *phun* ra, hết lớp này đến lớp khác.

+) NT và ND đều là những thi sĩ tài ba, đều có cái nhìn tinh tế đối với cảnh vật

* câu thơ tả cảnh mùa hè của Nguyễn Du: *Đầu tường lửa lựu lập lòe đâm bông* □ với từ *lập lòe*, ND thiên về tạo hình sắc

* câu thơ của NT: *Thạch lựu...đỏ* □ với từ *phun*, NT lại thiên về tả sức sống.

□ Cảnh vật ngày hè được miêu tả với những hình ảnh rất đặc trưng: sen đã ngát mùi hương + cách ngắt nhịp $\frac{3}{4}$ (ko theo nhịp thơ luật Đường hoàn chỉnh) đã tập trung được sự chú ý của người đọc làm nổi bật hơn cảnh vật ngày hè.

+ Qua bức tranh thiên nhiên sinh động và đầy sức sống, chúng ta thấy được *sự giao cảm mạnh mẽ nhưng tinh tế* của nhà thơ đối với cảnh vật:

□ Thi nhân đã đón nhận cảnh vật với nhiều giác quan: thị giác, thính giác, khứu giác và cả sự liên tưởng □ sự giao cảm mạnh mẽ ko làm mất đi vẻ tinh tế của hồn thơ Úc Trai.

□ Tác giả biết hòa màu sắc, âm thanh, đường nét theo quy luật của cái đẹp trong hội họa, trong âm nhạc, làm cho bức tranh thiên nhiên vừa có hình, vừa có hồn, vừa gợi tả, vừa sâu lắng. Khi ông viết: “Thạch...đỏ” thì sự kết hợp giữa động từ mạnh *phun* với từ *thức* (màu vẽ, dáng vẽ chứ ko chỉ là màu sắc đơn thuần) thì câu thơ lại nghiêng về diễn tả trạng thái tinh thần cảnh vật □ NT đã đồng cảm với thiên nhiên mạnh mẽ nhưng tinh tế và sâu sắc là thế.

□ So sánh, mở rộng: cùng viết về cảnh ngày hè, các tác giả thời Hồng Đức đem đến cho người đọc một bức tranh với vẻ đẹp mộc mạc và có phần thô nháp:

Nước nông sừng sực đầu rô trôi

Ngày nắng chang chang lười chớ lè

(Lại vịnh nắng mùa hè – bài 3)

*** Vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ Nguyễn Trãi:**

- *Tâm hồn yêu thiên nhiên, tâm hồn yêu đời, yêu cuộc sống:*

+ Là nhà thơ của thiên nhiên, trong hoàn cảnh nào tâm hồn nhà thơ cũng rộng mở đón nhận thiên nhiên.

+ Thật hiếm hoi và có phần đặc biệt khi ta gặp trong thơ NT một hoàn cảnh:

Rời...trường. --> thời gian rảnh rỗi, tâm hồn thư thái, khí trời mát mẻ- một hoàn cảnh lí tưởng để làm thơ, để yêu say cảnh đẹp. Với một NT “thân” ko nhàn mà “tâm” cũng ko nhàn thì “*Một phút thanh nhàn trong thuở ấy*” với ông thật hiếm hoi và đáng quý.

+ Thiên nhiên qua cảm xúc của thi sĩ trở nên sinh động, đáng yêu và đầy sức sống, cội nguồn sâu xa là lòng thiết tha yêu đời, yêu cuộc sống của tác giả:

□ Cảnh vật thanh bình, yên vui bởi sự thanh thản đang xâm chiếm tâm hồn nhà thơ.

□ Âm thanh lao xao chợ cá dội tới từ làng chài hay chính tác giả đang rộn rã niềm vui trước cảnh dân giàu đủ ?

□ Tiếng cầm ve dăng dỏi hay là khúc nhạc lòng đang được tấu lên ?

- *Tấm lòng ưu ái với dân, với nước*

+ Nguyễn Trãi yêu thiên nhiên nhưng trên hết vẫn là tấm lòng của ông tha thiết với con người với dân với nước. Thật hiếm hoi khi thấy NT có được những phút giây thanh thản. Trong bài thơ ông có cả “*ngày trường*” thương thức thiên nhiên với một tâm trạng lâng lâng sáng khoái ông tự dành cho mình quyền “*Rồi hóng mát thuở ngày trường*” bởi niềm mơ ước bởi nỗi trăn trở giày vò mục đích lớn nhất của đời ông đã được thực hiện: dân ấm no hạnh phúc.

+ Nhìn cảnh sống của dân đặc biệt người lao động- những dân chài lam lũ- được yên vui no đủ NT ước có chiếc đàn của vua Thuấn để gảy khúc Nam phong ca ngợi cảnh: *Dân giàu đủ khắp đời phương* □ Câu thơ khép lại là câu sáu chữ ngắn gọn thể hiện sự dồn nén cảm xúc của cả bài. Điểm kết tụ của hồn thơỨc Trai không phải ở thiên nhiên tạo vật mà chính là ở con người- người dân. NT mong cho dân được ấm no hạnh phúc (dân giàu đủ). Nhưng đó phải là hạnh phúc cho tất cả mọi người mọi nơi (khắp đời phương) □ Lí tưởng “*Dân giàu đủ, khắp đời phương*” với ngày hôm nay vẫn mang ý nghĩa thâm mĩ và nhân văn sâu sắc.

*** Kết luận:**

- Vẻ đẹp của bài thơ:

+ Vẻ đẹp cuộc sống của Nguyễn Trãi: giản dị, thanh cao, chan hòa với thiên nhiên tạo vật.

+ Vẻ đẹp tâm hồn: yêu thiên nhiên, yêu đời yêu cuộc sống. Trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng canh cánh bên lòng nỗi niềm ưu ái đối với dân với nước.

b) Tài tả cảnh và tư tưởng thân dân của Nguyễn Trãi trong bài thơ:

Khái quát:

- “Quốc âm thi tập” là tập thơ tiêu biểu cho tài năng đa dạng phong phú của Nguyễn Trãi. Tập thơ được sáng tác liên tục từ thời trẻ chưa đỗ đạt lưu lạc cho đến lúc làm quan to và khi về già bị biếm trích ở ẩn Côn Sơn...tập thơ là tập đại thành bao chứa nỗi lòng tâm sự của Nguyễn Trãi-một tình yêu nồng đượm, tha thiết với thiên nhiên, đất nước, thể hiện triết lí sống mà suốt đời tác giả luôn theo đuổi: triết lí sống vì sự ấm no hạnh phúc của người dân.

- Bài thơ “Cảnh ngày hè” tiêu biểu cho tư tưởng thân dân qua tài năng miêu tả của tác giả.

Phân tích:

- Sự sáng tạo trong việc sử dụng và cách tân thể thơ thất ngôn bát cú của Trung Quốc:

+ Giữ lại số lượng câu, chữ của thể thơ nhưng xen lẫn câu thơ sáu chữ ở câu (1) và câu (8) □ sự sáng tạo và ý thức trân trọng đối với ngôn ngữ và văn hóa dân tộc.

+ Sự phá cách cộng với ngôn ngữ tiếng Việt □ tấm lòng với đất nước quê hương: điều này với NT ko chỉ thể hiện bằng hành động thiết thực nhằm bảo vệ Tổ quốc mà ông ý thức ngay cả khi sáng tác thơ, sáng tạo văn chương.

- Như thường lệ, kết cấu của thể thơ thất ngôn bát cú, NT giới thiệu tâm cảnh sáng tác của mình: “*Rồi....giương*”

+ Bài thơ có thể ra đời trong hoàn cảnh đau buồn nhất của tác giả- bắt buộc phải cáo quan về ở ẩn Côn Sơn, một con người sinh ra là để hành động thể mà phải “*Rồi...trường*” □ câu thơ chỉ hoàn cảnh sáng tác mà ngầm thể hiện một tác lòng, một tâm sự.

+ Nhìn ở khía cạnh tinh thần, NT ko phải là kẻ bi quan. Nghị lực, niềm tin đã được mài rũa

3. Nhân của Nguyễn Bình Khiêm

*** Nội dung**

- Quan niệm về lối sống “nhàn”

+ Thể hiện ở sự ung dung trong phong thái, thanh thoi, vô sự trong lòng, vui với thú điền viên

+ là nhận đại về mình, nhường khôn cho người, xa lánh chốn danh lợi bon chen, tìm về nơi “vắng vẻ”, sống hòa nhập với thiên nhiên để “*di dưỡng tinh thần*”

+ là sống thuận theo lẽ tự nhiên, hưởng những thức có sẵn theo mùa ở nơi thôn dã mà không phải mưu cầu, tranh đoạt

+ *Nhàn* có cơ sở từ quan niệm nhìn cuộc đời là giấc mộng, phú quý tựa chiêm bao.
=> Từ đó, cảm nhận được trí tuệ uyên thâm, tâm hồn thanh cao của nhà thơ thể hiện qua lối sống đạm bạc, nhàn tản, vui với thú điền viên thôn dã.

*** Nghệ thuật:**

- Sử dụng phép đối, điển cố

- Ngôn từ mộc mạc, tự nhiên mà ý vị, giàu chất triết lí

=> Ý nghĩa văn bản: - Về đẹp nhân cách của tác giả: thái độ coi thường danh lợi, luôn giữ cốt cách thanh cao trong mọi cảnh ngộ đời sống.

*** Phân tích:**

- “Lối sống nhàn” đã được Nguyễn Bình Khiêm nâng lên ở tầm triết lí nhân sinh, có nguồn gốc lịch sử - xã hội và ý nghĩa xã hội- đạo đức sâu sắc.

+ Từ khi tác giả quyết định rút khỏi vòng thế sự, trả mũ áo cho triều đình, về quê lập quán Trung Tân, dựng Am Bạch Vân, lấy tên hiệu Bạch Vân Cư Sĩ, lấy việc dạy học làm vui, sống “lối sống nhàn” của bậc tiên ông; *ta gặp trong văn chương nước nhà một ông già hiền lành, râu tóc bạc phơ, gậy trúc guốc gỗ, áo vải quạt mo, vui sống giữa thiên nhiên trong sạch, nhìn đời bằng cặp mắt khoan dung, và không quên dùng lời lẽ khiêm tốn thành thật, nhắc nhở người đời trở về với “chỉ thiện”*

+ Nguyên nhân dẫn đến “lối sống nhàn” của NBK là:

□ Vì chán ngán cuộc sống bon chen, dơ bẩn, quan lại chốn triều chính tham tàn vì tiền mà bóc lột thú tính, bỏ mất lương tâm, trở nên tàn ác, hung dữ, gây ra cuộc tranh giành quyền lợi, chém giết lẫn nhau. Đó là đầu mối của bao tội ác đối với xh. Với hiện thực ấy, NBK đã làm khá nhiều thơ chữ Hán để nói lên nỗi đau khổ, hờn oán của nhân dân, lên án chiến tranh phi nghĩa.

□ Ông “lánh đục về trong”, chủ trương “lối sống nhàn” vì muốn sống cuộc sống phóng khoáng, thoát tục. Cái thú vị trong lối sống nhàn của NBK là trong sạch, giản đơn (trong cuộc sống và trong thú tiêu khiển), dinh dưỡng trong bầu không khí đạo đức, tao nhã (điểm này khác thú nhàn của Nguyễn Công Trữ và gần thú nhàn của Nguyễn Trãi)

- Suốt 42 năm vừa sống ẩn dật, vừa “làm quan tại gia”, ông luôn tỏ ý tự hào về sự lựa chọn của mình:

+ *Cao khiết thù vi thiên hạ sĩ?*

An nhàn ngã thị điện trung tiên! (Ngự hứng)

(Cao khiết, ai là kẻ sĩ trong thiên hạ?)

An nhàn, ta là tiên ông trong đời!)

+ *Thanh nhàn ấy ta là tiên khách,*

Được thú ta, đã có thú ta

(Thơ Nôm- bài 31)

- Lối sống nhà là cái thú được thoải mái về tinh thần cũng như thân xác:

Nội đắc tâm thân lạc,

Ngoại vô hình dịch lụy.

(Cảm hứng)

(Bên trong được thú vui của tâm, của thân,

Bên ngoài khỏi phải chạy vạy để phục dịch cho hình xác)

□ Thú vui của tâm, của thân có thể tìm thấy trong cảnh trí thiên nhiên, cũng có thể tìm thấy trong những chuyện sinh hoạt thường ngày. Tuy đơn sơ, đạm bạc nhưng thanh thoi, thoải mái.

□ Lối sống nhàn đem lại cái thú vui là làm chủ được bản thân, tự mình yên với mình (tự tại), ko bị những ham muốn vật chất ràng buộc, lôi cuốn □ do đó dường được tính tự nhiên, tức là tính ưa được làm điều thiện.

=> Bài thơ Nhàn nằm trong hệ thống thơ nhàn ấy của NBK □ nhà thơ tự khẳng định lối sống của mình.

4.

CHỦ NGHĨA NHÂN ĐẠO TRONG VĂN HỌC TRUNG ĐẠI

1. Chủ nghĩa nhân đạo trong văn học viết VN nửa cuối thế kỉ XVIII kỉ XIX đầu thế .

Dàn ý

a. Mở bài:

Văn học VN vốn là tấm gương phản chiếu đời sống tinh thần của con người VN. Một nền văn học yêu chuộng sự hài hoà giữa tình và lí, vừa coi trọng chữ tâm , chữ tài, vừa mạnh mẽ vừa trầm lắng sâu sắc. Khi nhân phẩm con người bị chà đạp, vùi dập cũng là lúc văn học toả sáng để tố cáo những thế lực hắc ám chà đạp lên quyền sống con người để đòi quyền sống, quyền tự do của con người. Điều này được thể hiện rõ trong văn học giai đoạn nửa sau thế kỉ XVIII và đầu XIX.

b. Thân bài:

- Nhân đạo chủ nghĩa là tình thương người- những người bất hạnh, đau khổ, bị thiệt thòi trong cuộc sống. Là sự khám phá và biểu dương những giá trị làm đẹp con người mà tiêu biểu là những nhà văn nhân đạo lớn như Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Gia Thiều..... hướng ngòi bút đến những con người bị áp bức, đặc biệt là phụ nữ.

- Có lẽ chủ nghĩa nhân đạo chỉ nảy sinh và phát triển mạnh mẽ khi tự do, nhân phẩm và hạnh phúc của con người bị chà đạp cho nên các nhà nhân đạo ko thể làm ngơ trước tình cảnh con người phải sống trong cảnh “Ma đưa lối quỷ dẫn đường- Lại tìm những chốn đoạn trường mà đi” (ND) , ở đó con người bị đoạ đầy khổ sở, thân phận con người ko bằng con sâu cái kiến, thấp hèn

- Cảm thông cho số phận con người nên nhà thơ, nhà văn thường đứng trên lập trường nhân sinh để viết văn bênh vực con người, tố cáo những thế lực PK xấu xa, đẩy con người đến bước đường cùng, trong đó phụ nữ là người chịu thiệt thòi nhất.

*ND: + Truyện Kiều: ND bao lần rơi lệ cho cái kiếp “Hồng nhan bạc phận”, những con người tài sắc vẹn toàn đã phải trải qua bao đắng cay tủi nhục:

-Đạm Tiên “Sống làm vợ khắp người ta

Hại thay thác xuống làm ma không chồng”

-Thuý Kiều: “Thanh lâu hai lượt thanh y hai lần”

=> Sống giữa những định kiến khắt khe của xã pk về gái giang hồ, trái tim ND lại biết cảm thông thương xót cho họ “Đau đớn thay....lời chung”- nhà thơ đã ko trách những con người lỡ bước sa chân mà chỉ coi đó là số mệnh của con người

+Người đàn bà đánh đàn ở Long thành:ND quan tâm đến cuộc sống về già của những người kĩ nữ, lo lắng cho họ bằng một trái tim vĩ đại:

“ Ngăn ngơ khi trở về già

Ai chồng con tá biết là cậy ai? Và thốt lên lời than ai oán : “Đau đớn thay phận đàn bà” , “Thương thay cũng một kiếp người – Hại thay mang lấy sắc tài làm chi”.

+Một số tác phẩm khác: xót thương cho những kiếp đời bất hạnh từ người buôn bán “Đòn gánh tre chín dạn hai vai”, những kẻ ăn mày bị đời khinh bỉ,

những đứa trẻ phải sớm chịu cảnh “Lìa mẹ lìa cha, cho đến nàng Tiểu Thanh bất hạnh, người gảy đàn vô danh...-> làm cho trái tim ND “thiết tha cõi lòng”

* Nguyễn Gia Thiều thương cảm cho số phận những người phụ nữ cô đơn mong ngóng được chồng đoái hoài trong “Cung oán ngâm khúc”:

“Lạnh lùng thay giấc cô miên
Mùi hương tịch mịch, bóng đèn thâm u
Tranh biếng ngắm trong đồ tổ nữ
Mặt buồn trông trên cửa nghiêm lâu
Một mình đứng tủi ngồi sầu
Đã than với nguyệt lại rầu với hoa”

Thương cho những kiếp hoa bị vùi dập và giận cho xã hội rối ren và thối nát.

- *Tiếng nói bênh vực con người, cho tình yêu tự do và hạnh phúc lứa đôi của con người:*

+ Nàng Kiều dám vượt qua lễ giáo pk khát khe để đến với người yêu “Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình”.Dám chủ động thề nguyện với KT.

+ Hồ Xuân Hương- “Bà chúa thơ Nôm” trong tình yêu đã thẳng thắn mở lời trước nam nhi:

“Quả cau nho..rồi”(Mời trầu)

đôi khi rất mạnh mẽ,đầy bản lĩnh : “Ví đây đôi phận.....nhiều” (Đề đền Sầm Nghi Đống). Trong cuộc sống nhà thơ đã phải trải qua gian truân , lận đận, bị lệ thuộc vào xh, nhưng vẫn giữ được phẩm chất trắng trong đáng quý, đáng trân trọng như chiếc bánh trôi nước. Là người có phẩm chất cao quý nhưng XH vẫn cảm thấy đau đớn, xót xa cho thân phận-> luôn muốn mình ở thế chủ động nhưng lại bị xh đưa vào thế bị động cả trong cuộc sống và tình yêu.

- *Phê phán, tố cáo các thế lực xấu xa chà đạp nhân phẩm của con người:*

+ Bọn quan lại tranh giành quyền lực chém giết lẫn nhau, đàn áp người dân “thấp cổ bé họng” đẩy xh vào cảnh “bao phen thay đổi sơn hà”-> bọn Tú Bà, Sở Khanh.....làm cho bao cuộc tình phải tan vỡ, nhiều người phải nhỡ nhàng một kiếp-> chúng là một bọn “ruồi xanh”, “mặt sắt”, “những phường bạc ác tinh ma”

+ Đời sống người dân hết sức cơ cực, họ dắt nhau đi ăn xin trong “Sở kiến hành” trong khi bọn quan lại thì ăn chơi thâu đêm, bày tiệc với những thức ngon vật lạ:

“Nào vây cá, gân hươu
Lợn dê mâm đầy bát
Quan lớn ko chạm đũa
Tuỳ tùng chỉ ném chút
Thức ăn thùc đồ đi
Chó no ngáy món ngon”

Chúng là những kẻ “ngoài mặt ko thò nanh vuốt” mà lại “cầu xé người nhai nuốt ngọt ngon” -> xh đẩy con người vào cảnh ăn mày, chia li và chịu muôn vàn đau khổ.

+ Chinh Phụ ngâm tố cáo thế lực chia cắt con người, chia cắt cuộc sống hạnh phúc của những cặp vợ chồng trẻ: *“Xanh kia thăm thăm tầng trên*

Vì ai gây dựng cho nên nỗi này?

+ Văn tế Trương Quỳnh Như tố cáo mạnh mẽ xh loạn lạc đầy chia li và những tập tục, quan niệm cổ hủ đã gây đau khổ cho con người và nỗi nhức nhối cho người đọc.

+ Thất vọng về xã hội hiện tại Nd còn biết ước mơ, khát vọng vào tương lai-> gửi gắm qua nv Từ Hải anh hùng và tài năng: “Đường đường một đấng anh hào-
Côn quyền hơn sức lược thao gồm tài”

Kết bài:

Trào lưu nhân đạo trong văn học giai đoạn sau XVIII đầu XIX là tiếng lòng, tiếng nói của những người con ưu tú của dân tộc, bênh vực cho quyền sống, quyền tự do của con người, đồng thời cũng là lời tố cáo đanh thép những thế lực xấu xa trong xh.

2. Thân phận của người phụ nữ trong văn học VN giữa thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX qua tác phẩm: Chinh phụ ngâm (Đặng Trần Côn), Truyện Kiều, Độc Tiểu Thanh kí (Nguyễn Du)

Khái quát:

- “Văn chương có loại đáng thờ, có loại không đáng thờ. Loại không đáng thờ là loại chỉ chuyên chú ở văn chương. Loại đáng thờ là loại chuyên chú ở con người”

(Nguyễn Văn Siêu)- Lời nhận xét khẳng định giá trị trường tồn của các tác phẩm viết về con người. Cùng với *Chinh phụ ngâm*, *Cung oán ngâm khúc*, *Truyện Kiều*,... Văn học VN giai đoạn nửa cuối thế kỉ XVIII đến đầu XIX đã đạt nhiều thành tựu rực rỡ, thân phận con người được phản ánh trong nhiều tác phẩm đã trở thành chủ đề lớn của nền văn học.

- Văn học từ thế kỉ X đến XV, số phận con người hầu như bị bỏ rơi, bị lu mờ trước số phận của dân tộc. Người ta quen sống trong không khí sôi nổi, hùng tráng của hào khí chiến đấu với những chiến công vang dội mà quên những kiếp đời nhỏ nhoi, cá biệt. Có chăng một vài câu chuyện đề cập đến thân phận con người trong *Truyện kì mạn lục* của ND, song có lẽ đó chỉ là ngoại lệ.

- Trước đó, một số ít bài thơ của Nguyễn Trãi đã xuất hiện những nét tâm lí riêng tư của con người□ Nguyễn Dữ, Phạm Thái biểu hiện rõ nét hơn. Nhưng để trở thành chủ đề của văn học thì phải đến cuối XVIII đầu XIX, khi quyền sống con người ít nhiều được đánh thức, người nghệ sĩ bị đặt trước sự lựa chọn quyết liệt: hoặc hướng ngòi bút vào những khổ đau của con người, hoặc theo lối cũ ca ngợi chế độ. Các tác giả lớn của văn học giai đoạn này, với bản lĩnh cứng cỏi và trái tim nhân đạo, họ đã chọn cho mình con đường thích hợp: đi vào những vấn đề nhức nhối nhất của con người đó là quyền sống, quyền mưu cầu hạnh phúc□ lí do khẳng định vì sao những tác phẩm hay nhất giai đoạn này lại phần lớn là những tác phẩm viết về nỗi đau của con người.

- Chế độ phong kiến bất công tàn bạo đang vùi dập những gì tốt đẹp nhất mà con người có thể có: tài sắc, phẩm hạnh, sự khát khao hạnh phúc, tình yêu. Đau đớn hơn bởi nạn nhân của nó là người phụ nữ, đối tượng tập trung hết thảy mọi oan trái, đắng cay. Gói trọn trong hai chữ *thân phận* mà dường như hàm chứa hết mọi nghĩa của một đời người, tất cả cùng để dồn lại cái đích cuối: người phụ nữ, thân phận và nỗi đau.

- Nạn nhân của chế độ xã hội phong kiến là nhân dân lao động đặc biệt là người phụ nữ- nạn nhân chịu nhiều đau khổ nhất, đối tượng tập trung hết thảy mọi oan trái, đắng cay, họ không được coi trọng, họ bị vùi dập tài, sắc, phẩm hạnh, sự khát khao hạnh phúc và tình yêu một cách tàn bạo. Vì thế tư tưởng chống lễ giáo phong kiến và đòi quyền sống cho con người được bắt đầu bằng tiếng lòng thương cảm đối

với người phụ nữ như : *Chinh phụ ngâm của Đặng Trần Côn, Cung oán ngâm khúc của Nguyễn Gia Thiều, Truyện Kiều của Nguyễn Du, và thơ của nữ sĩ lỗi lạc Hồ Xuân Hương.*

***Trong đoạn trích “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ (trích: Chinh phụ ngâm) của Đặng Trần Côn**

- Người thiếu phụ khuê các thấy cuộc sống trở nên vô nghĩa khi vợ chồng phải cách xa ngàn dặm quan san. Trong suy nghĩ nàng mong chồng lập công danh, để “nở nang mày mặt, rõ ràng mẹ cha”-> nhưng chữ “tước phong” đã ko thể chiến thắng được nỗi đau khi cô độc, quạnh hiu, vắng lặng:

“Trời thăm thăm xa với khôn thấu
Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong
Cảnh buồn người thiết tha lòng
Cành cây sượng đượm tiếng trùng mưa phun.

- Ngóng trông tha thiết trong niềm hi vọng đợi chờ -> trời đất cảnh vật nhuốm một màu sầu muộn, hiện lên qua từng chi tiết. Một sự chờ đợi đằng đẳng mà niềm ước mong không được thỏa nguyện. Những ngóng trông tha thiết ,dẫu ko đến mức phải hóa đá như nàng Tô Thị khi xưa bồng con trên núi cao ngóng chồng, nhưng cũng đã đến cái ngưỡng cuối của sự chờ đợi, nghĩa là chỉ còn hi vọng. Trời đất, cảnh vật dường như chỉ hiện lên qua tâm trạng chờ mong, thương nhớ. Cái khao khát hạnh phúc gia đình tha thiết đến mức nỗi nhớ trong tâm tư thành ra như có hình có dáng.. Tất cả đau đáu của nỗi niềm thương nhớ khát khao ko gì có thể xoa dịu, thậm chí cảnh vật chỉ làm cho nỗi lòng người chinh phụ cô đơn, lẻ loi, đau đớn, nặng nề hơn. từ láy, so sánh,...

- Ngôn từ chọn lọc: Sự kết hợp giữa ngôn ngữ tác giả và ngôn ngữ nhân vật. Lời than trực tiếp của chinh phụ khiến cho hoàn cảnh bi kịch đậm nét và có tính khách quan

*** Trong bài thơ “Độc Tiểu Thanh kí” của Nguyễn Du.**

- Cũng như Đặng Trần Côn, Nguyễn Du rất quan tâm đến số phận người phụ nữ: một Thúy Kiều cực kì tài sắc nhưng vô cùng đau khổ- nhân vật chính cho tác phẩm tâm huyết cả một đời của ông. Trong *Văn chiêu hồn, Sở kiến hành, Long thành cầm giả ca, ...* ông luôn dành cho người phụ nữ lòng thương cảm đặc biệt. Chính tấm lòng ấy đã khiến nhà thơ xót thương đến cả một người phụ nữ sống trước ông tới 300

năm, trên một xứ sở cách xa ông ngàn vạn dặm. Tiểu Thanh là một người con gái đẹp. Nàng là một nhà thơ tài năng. Thế mà cuộc đời đã dành cho nàng được những gì? Một thân phận lẽ mọn, bị hành hạ, dằn vặt, một cuộc sống quá ngắn ngủi, một cái chết đau đớn. Thế mà sau khi chết, nàng còn bị nguyên rửa, thơ của nàng cũng bị người ta hủy diệt: “*Son phần có thần chôn vẫn hận – Văn chương không mệnh đốt còn vương*”

+ Nhà thơ xót xa cho số phận của TT, ông không làm sao chấp nhận được sự phi lí đó. Ông muốn hỏi trời nhưng trời thì cao và câm lặng. Ông chỉ còn biết tự mình mang niềm xót thương và đau đớn: “*Nỗi hờnmang*” □ câu thơ vang lên một câu hỏi lớn “*thiên nan vấn*” (trời khó hỏi), bởi vì trời không gây ra nỗi oan khuất cho nàng. Chính con người, chính xã hội phong kiến là nguyên nhân mọi nỗi bất công và đau khổ. Thật hiếm thấy trường hợp một nhà thơ nam giới trong xã hội cũ mà thông cảm với số phận người phụ nữ như ND, thông cảm đến độ ông coi số phận ấy cũng như chính là số phận của mình: “*Chẳng biếtchăng?*” □ nhà thơ như nhận ra trong chế độ phong kiến, khổ đau vì xã hội phong kiến, ko chỉ có người phụ nữ, mà còn có rất nhiều người, nhất là những người có tài, có khát vọng, có tâm hồn trong đó có ông.

*** Trong Truyện Kiều của Nguyễn Du.**

- Thúy Kiều là nhân vật được đúc kết từ những mẫu hình lí tưởng được đẩy đến giới hạn tột cùng của vẻ đẹp, trí tuệ, phẩm cách. Nhưng vì lí tưởng hóa nên nỗi đau cũng rất điển hình:

- Một nàng Kiều sắc sảo, thông minh đến “hoa ghen”, “liều hờn” nhưng đời đã xô đẩy vào mọi bể khổ trần ai, suốt mười lăm năm đoạn trường lưu lạc. Một nàng Kiều hiếu thảo, nghĩa tĩnh, đảm thắm nhưng đời bất chịu cảnh trái oan, cay đắng. Con người nàng là hợp lưu của mọi nỗi đau.

- Mỗi tình đầu còn say đắm thì phải dứt tình dần thân vào nơi ô nhục. Nỗi đau thể xác của những trận hành hạ mà mẹ Tú Bà là chủ mưu không làm cho nàng đau đớn bằng tâm hồn trong sáng của mình bị vẩn đục bởi trò lừa dối thô bỉ của nhà chứa. Sau những lần quên mình trong rượu, trong cảnh xô bồ, ô uế, nàng mới thấy hết cái nhục nhã chán chường: “*Khi tỉnh rượu.....xót xa*” □ đây mới là con người thật của nàng, tấm lòng ngời sáng của người con gái họ Vương kiều diễm đã ý thức được

phẩm giá của mình trong mọi nỗi bất hạnh. Vẻ đẹp ấy hơn mọi vẻ đẹp và nỗi đau ấy mới là tuyệt đỉnh của nỗi đau.

Bổ sung một số hình ảnh người phụ nữ trong gia đoạn văn học này:

****Trong Cung oán ngâm khúc của Nguyễn Gia Thiều:***

- Không giống sự chờ đợi của người chinh phụ, nhưng người cung nữ trong “CONK” của Nguyễn Gia Thiều cũng bộc lộ niềm khao khát yêu đương, khát khao hạnh phúc. Dấn thân vào chốn cấm cung những tưởng sẽ hạnh phúc đủ đầy, ngờ đâu rơi vào bất hạnh, người cung nữ chôn vùi tuổi xuân, sắc đẹp trong điện gấm, cung son, phận mình bị người ghẻ lạnh thờ ơ, để cho thời gian cứ gặm nhấm dần: “*Đêm năm canh lần nường vách quế - Cái buồn này ai để giết nhau*”?

- Đau đớn nhất của người cung nữ là ko được mãi mãi hưởng hạnh phúc. Chốn cấm cung hóa thành nhà tù giết chết con người một cách âm thầm, dai dẳng làm phôi phai dần tuổi trẻ và nhan sắc. Buồn tủi, oán trách, giận hờn, người cung nữ trút lên đầu ông tơ bà nguyệt nỗi uất ức của mình: “*Giang tay muốn dứt tơ hồng – Bực mình muốn đập tiêu phòng mà ra*”-> nhưng họ không thể thoát khỏi vòng kiềm tỏa của chế độ.

****Trong thơ Hồ Xuân Hương:***

- Nỗi đau chất chồng bởi thực trạng phũ phàng trong cảnh lẽ mọn: “*Chém cha cái kiếplạnh lùng*” □ HXH chửi số kiếp, chửi hộ cho bao người đàn bà khác cùng chung cảnh ngộ. Mạnh mẽ, cứng cỏi, bản lĩnh,...nhưng XH cũng phải ngậm ngùi cho duyên kiếp. Đằng sau cái âm điệu đánh sặc của lời thơ, ta vẫn cảm thấy chút chua xót, nặng nề mà dù có giấu cũng cứ lộ ra xa xót, cắt lòng người. Ở bài thơ *Làm lẽ* sự vỡ mộng của người phụ nữ mới cay đắng biết nhường nào: “*Thân này ví biết đường này nhỉ - Thà trước thôi đành ở vậy xong*”

=> XH cất tiếng kêu đòi quyền tự do hạnh phúc cho bao người đàn bà đang sống trong cảnh lẽ mọn.

- Trong bài “*Tự tình*” cũng là tiếng thở than của người phụ nữ khát khao hạnh phúc mà ko được hạnh phúc, từng ao ước được sống mà không được sống như ý nguyện của mình. Ngày xuân qua đi, tuổi trẻ tàn phai: “*Ngán nỗi xuân đi ...con con*”!-> Hạnh phúc nhỏ bé, mong manh, tội nghiệp của người phụ nữ .

TRUYỆN KIỀU

1. Phân tích tâm trạng của Kiều trong đoạn thơ *Nỗi thương mình* (trích *Truyện Kiều*) của Nguyễn Du

- Học sinh cần có những hiểu biết cơ bản về đoạn thơ “*Nỗi thương mình*” và nắm được giá trị nội dung và nghệ thuật độc đáo của đoạn thơ ấy.
- HS phải biết trình bày các nhận định, đánh giá, cảm nhận về tâm trạng của nhân vật trữ tình qua một đoạn thơ.

Học sinh có thể phân tích và trình bày theo nhiều cách khác nhau. Song phải đáp ứng được những ý cơ bản sau:

1. “*Nỗi thương mình*” là đoạn trích khắc họa tâm trạng đau đớn, tủi nhục của Thúy Kiều sau khi buộc phải tiếp khách ở lầu xanh của Tú Bà, đồng thời thể hiện ý thức của Kiều về nhân phẩm con người.

+ Tâm trạng của Kiều trước cảnh sống ô nhục ở lầu xanh (bàng hoàng, thanh thót, đau đớn, ê chề, tủi nhục...)

+ Tâm trạng, thái độ của Kiều trước cảnh sắc, thú vui ở chốn lầu xanh (xót xa, buồn thảm, chua chát, bẽ bàng,...)

2. Đặc sắc nghệ thuật: Thành công trong miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật. Sử dụng ngôn ngữ tài tình (điệp từ ngữ, cụm từ đan xen, tiểu đối, câu hỏi tu từ, điển tích...)

Lưu ý: + HS có thể trình bày theo những kết cấu khác nhau và có những cảm nhận riêng của mình miễn là đáp ứng được yêu cầu đề

+ Khuyến khích thêm điểm cho những bài là có năng lực cảm thụ văn chương, có sáng tạo.

2. Viết *Độc Tiểu Thanh kí*, Nguyễn Du đã mượn chén rượu của người để rót rượu mình.

Anh (chị) hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

a. Giải thích nhận định.

“*Nguyễn Du mượn chén rượu của người*” - cảm thương cho số phận của Tiểu Thanh; “*rót rượu mình*” - bộc bạch nỗi niềm cảm thương cho chính mình. Qua *Độc Tiểu Thanh kí*, Nguyễn Du khóc cho nàng Tiểu Thanh và khóc cho chính mình.

b. Phân tích bài thơ làm sáng tỏ ý kiến.

- Câu chuyện cuộc đời của Tiểu Thanh đã tạo nên niềm xúc động, cảm thương chân thành ở Nguyễn Du. Không chỉ khóc nàng Tiểu Thanh hồng nhan bạc mệnh – cái đẹp bị vùi dập, đọa đày, Nguyễn Du còn tri âm để thấu hiểu tận cùng nỗi đau, nỗi xót cũng là nỗi oán hận mà Tiểu Thanh phải mang theo xuống suối vàng – “*Văn chương vô mệnh lụy phần dư*”. Đó là nỗi hận vì cái đẹp, cái tài bị vùi dập, chà đạp, bị chôn bỏ phũ phàng.

- Cảm thương cho bi kịch của Tiểu Thanh, Nguyễn Du bắc nhịp cầu giao cảm để tự thấy mình là người cùng hội cùng thuyền với nàng – “*mượn chén rượu của người*” và “*rót rượu của mình*”: tự nhận mình giống Tiểu Thanh “*mắc nỗi oan lạ lùng vì nét phong nhã*” và mong mỗi tim người khóc mình như mình đã khóc Tiểu Thanh. Từ tiếng khóc người, nỗi thương người, *Độc Tiểu Thanh kị* còn là tiếng khóc mình, nỗi thương mình; là mối tự hận, tự thương; là niềm khát khao tri kỉ của Nguyễn Du.

C. Đánh giá, nâng cao.

- Nguyễn Du có một tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, giàu yêu thương; một trái tim nhân đạo lớn dành cho con người mà trước hết là người phụ nữ tài hoa bạc mệnh: Thúy Kiều, người gảy đàn ở đất Long thành... Nhờ vậy, *Độc Tiểu Thanh kị* vừa có ý nghĩa tố cáo phê phán xã hội bất công, tàn bạo vừa chứa đựng tư tưởng nhân đạo, nhân văn lớn lao, sâu sắc. Tư tưởng ấy được cô đúc trong một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật hàm súc, phảng phất giọng điệu bi phẫn do rất nhiều thanh trắc, gợi cảm giác trĩu nặng, ngưng đọng.

- Nguyễn Du cũng là một con người khổ đau, cô đơn, không có tri kỉ. Tâm sự đó của Nguyễn Du cần được hậu thế thấu hiểu qua những thi phẩm của ông. Bởi lẽ, tiếng nói tri âm giữa người đọc và người viết là điều văn học dân tộc nào, thời đại nào cũng hướng tới. Chẳng vậy mà nhà văn Bùi Hiển cho rằng : “*Ở nước nào cũng thế thôi, sự cảm thông sẽ chia giữa người đọc và người viết là trên hết*”.

5. Giải thích và chứng minh Truyện Kiều của Nguyễn Du là một công trình nghệ thuật thiên tài.

a) Trước hết đó là một thành công lớn về ngôn ngữ.

- Cách đem lời nói nhân dân vào trong văn viết, cách du nhập và Việt hóa văn liệu, thi liệu, từ ngữ, thành ngữ, điển cố của văn học Trung Quốc vào văn Nôm, trước kia và đương thời vẫn còn nhiều lúng túng, vụng về thì đến Nguyễn Du, dường như đã giải quyết thỏa đáng.

- Ngôn ngữ VN đã trở thành một thứ tiếng phong phú, tinh vi, giàu hình ảnh, giàu nhạc điệu, có thể diễn tả một cách chính xác, đầy đủ và đẹp đẽ nhất mọi sắc thái riêng biệt của thiên nhiên, xã hội và tâm tư con người.

b) ND đã vận dụng ngôn ngữ tô điểm cho tác phẩm của mình bằng những cảnh hết sức xinh đẹp, mỗi cảnh chỉ mấy nét, nhưng nhịp nhàng cân xứng và luôn luôn tiêu biểu, sinh động. Nhất là bao giờ cũng hòa hợp một cách sâu xa với tâm trạng con người, khiến cho tình người thêm thâm thiết và cảnh vật thêm đậm đà.

c) Con mắt ND có tài quan sát chừng nào thì trái tim của ông có tài đồng cảm với nhân vật chừng ấy. Truyện Kiều có bao nhiêu nhân vật, bao nhiêu trường hợp, thì có bấy nhiêu tâm trạng phức tạp và bao giờ ND cũng lựa được những ý, những lời diễn tả thấu đáo và sâu sắc, lột tả được hoàn toàn tâm lí của nhân vật.

- Trong khi lưu lạc, TK nhớ nhà bốn lần trong những tâm trạng khác nhau, thì mỗi lần lại nhớ mỗi cách, rất hợp hoàn cảnh và tâm lí. TK đánh đàn bốn lần thì bốn lần tiếng đàn kêu khác nhau, ăn nhịp với tâm trạng của TK.

d) Cách kể chuyện gọn gàng, sự việc đưa ra chỉ cần đủ để làm sáng tỏ tâm lí nhân vật, ko rườm rà, phức tạp: Thường kể chuyện xen lẫn tả cảnh, tả tình. Có lúc cần.....

TÁC PHẨM CỤ THỂ

1. Chí khí anh hùng

* Vị trí đoạn trích:

- Khi TK bị đẩy vào lầu xanh lần thứ hai, ND cảm thấy ngọt ngào vô cùng, phải thốt lên lời nguyên rủa: *“Chém cha cái số hoa đào- Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi”* còn nhân vật của ông hoàn toàn rơi vào bế tắc: *“Biết thân chạy chẳng khỏi trời – Cũng liều mặt phấn cho rồi ngày xanh”*. Cuộc đời Kiều tối tăm lại thì *“TH vụt đến cuộc đời Kiều như một vì tinh lạc chiếu sáng cả một đoạn đời Kiều”* (Hoài Thanh). TH đưa Kiều thoát khỏi cảnh ô nhục. Hai người gắn bó với nhau trong hạnh phúc và tình tri kỉ: *“Trai anh hùng gái thuyền quyên – Phỉ nguyên sánh phượng đẹp duyên*

cuối rông”. Nhưng TH ko bằng lòng với cuộc sống êm đềm bên cạnh nàng Kiều tài sắc, chàng muốn có sự nghiệp lớn, nên sau nửa năm “*huơng lửa đương nồng*” đã từ biệt Kiều ra đi.

- Đoạn trích làm nổi bật hình tượng người anh hùng TH – một nhân vật lí tưởng, thể hiện ước mơ đầy lãng mạn của ND về người anh hùng có những phẩm chất và chí khí phi thường về nhiều phương diện. Đồng thời thể hiện thái độ trân trọng, ngợi ca, khẳng định của tác giả đối với TH.

- Đoạn trích thể hiện chủ nghĩa nhân đạo cao quý và sâu sắc:

- + Khẳng định và ngợi ca những phẩm chất tốt đẹp của con người.
- + Thể hiện tập trung tình yêu thương, trân trọng con người, sự thông cảm đối với những con người bất hạnh
- + Sự đồng tình của ND đối với những khát vọng chính đáng của con người.

=> Khát vọng lớn nhất của con người là hạnh phúc và tự do. Ở Truyện Kiều, khát vọng tự do được thể hiện ở hai nội dung: tự do yêu đương và tự do vùng vẫy chống lại áp bức, bất công, thực hiện công lí. Khát vọng tự do yêu đương được ND gửi gắm vào mối tình trong sáng vượt qua lễ giáo phong kiến của TK và KT; còn khát vọng tự do vùng vẫy chống áp bức bất công thể hiện qua hình tượng nhân vật TH.

- Nếu TH của TTTN trong KVKT là một nho sinh thi hỏng, một nhà buôn, nhà sư, tướng cướp thô hào thì TH của ND là bậc đại trượng phu anh hùng cái thế, một tráng sĩ tung hoành thiên hạ, vừa có chí khí phi thường vừa có tâm hồn khoáng đạt. Một phần chí khí anh hùng lí tưởng ấy được thể hiện trong buổi chia tay với TK để ra đi vì nghiệp lớn.

*** *Tính cách và chí khí của người anh hùng TH***

- *Trượng phu*: (đại trượng phu) - người đàn ông có chí khí, bậc anh hùng với hàm nghĩa khâm phục.

- *Động lòng bốn phương*: cụm từ ước lệ chỉ chí khí anh hùng (chí làm trai Nam, Bắc, Tây, Đông,...) tung hoành thiên hạ - lí tưởng anh hùng thời trung đại, ko bị ràng buộc bởi vợ con, gia đình mà để ở bốn phương trời – kg rộng lớn, quyết mưu sự nghiệp phi thường.

- *thoắt*: nhanh chóng trong khoảnh khắc bất ngờ- chỉ cách nghĩ, cách xử sự của TH cũng khác thường và dứt khoát. Người anh hùng gặp người đẹp tri kỉ, đang say đắm nồng hạnh phúc lứa đôi, chợt nghĩ đến chí lớn chưa thành, đã động lòng bốn phương, cảm nhận được sự chật hẹp, tù túng của cuộc sống gia đình.

=> Hoài Thanh nói: “*TH không phải là người của một nhà, một họ, một làng mà là người của bốn phương...*”

- Hình ảnh TH rất gần với hình ảnh *chinh phu* trong đoạn đầu *Chinh phụ ngâm*:

*Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt
Xếp bút nghiên theo việc đao cung...
Chí làm trai dặm nghìn da ngựa,
Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao,
Giã nhà đeo bức chiến bào,
Thét roi cầu Vĩ ào ào gió thu*

Với hình ảnh “*Trông vờn trời bể mệnh mang – Thanh gương yên ngựa lên đường thẳng rong*”- hình ảnh TH xuất phát từ cảm hứng vũ trụ, con người vũ trụ với kích thước phi thường, không gian bát ngát, ngợi ca, khâm phục

*** Cuộc đối thoại giữa TK và TH**

- Câu nói của Kiều -> Tâm trạng, tâm lí của TK rất hiện thực:

+ Với TH, Kiều ko chỉ yêu mà còn hiểu, khâm phục và kính trọng.

+ Theo quan niệm pk: *phu xướng phụ tùy, xuất giá tòng phu*, Kiều đã nguyện gắn bó cuộc đời của nàng với TH. Sau những năm tháng khổ ải, lang thang, nhọc nhằn, đây là thời gian hạnh phúc như trong mơ của nàng. Kiều ko muốn xa người chồng yêu quý, ko muốn sống cô đơn- tâm lí bình thường dễ hiểu.

+ Cũng có thể hiểu “*Kiều muốn ra đi cùng để chia sẻ, cùng tiếp sức và gánh vác công việc với chồng*” (GS Lê Đình Kị)

- Câu trả lời của TH: Câu nói của Kiều, yêu cầu chính đáng của nàng bị TH từ chối- điều bình thường của người anh hùng chân chính ko bị xiêu lòng trước nữ sắc, gia đình làm vướng bận. Người ra đi đâu ko ngoảnh lại, ra đi ko vương thê nhi...

Cách nói của Từ:

+ Có hàm ý trách Kiều sao lại có thể thường tình như nhi nữ. Ngay buổi đầu gặp gỡ, TH đã xem Kiều là người tri kỉ, hiểu TH hơn ai hết: “*Tri kỉ trước sau*

mấy người, con mắt tinh đời, đoán giữa trần ai...là người tâm phúc tương tri□ hơn hẳn người vợ bình thường- tầm thường.

+ Nói lên niềm tin tưởng sắt đá vào tương lai, sự nghiệp, mục đích ra đi của chàng: Làm cho rõ mặt phi thường. Người anh hùng có ước mơ thành đại tướng cầm mười vạn tinh binh với những hình ảnh: *tiếng chiêng dậy đất, bóng tinh rợp đường* - hình ảnh tưởng tượng của TH về tương lai của mình, vì nó mà Từ dứt áo ra đi – niềm tin thành công, lí tưởng cao cả của anh hùng.

+ Hoàn cảnh thực tại của người anh hùng bắt đầu sự nghiệp đầy rẫy khó khăn, thể hiện tính cách dứt khoát, quyết tâm sắt đá của TH cũng là lời an ủi của người chồng chí khí nhưng cũng rất con người, tâm lí “*Đành lòng chờ....vội gì!*”

+ Đây là chỗ mới và khác so với hình ảnh chinh phu (*Chinh phụ ngâm*). Chinh phu cứ thế ra đi là đi “*Chỉ ngang ngọn giáo vào ngàn hang beo*” hoặc “*Nhủ rồi, tay lại cầm tay – Bước đi một bước giây giây lại dừng*”...Thì vẫn là cử chỉ và động tác chủ động của chinh phu.

*** Hai câu cuối:**

2. Đoạn trích “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ”

*** Khái quát:**

- Trước ND và Truyện Kiều, một trong những đỉnh cao của VHVN thế kỉ XVIII là tác phẩm *Chinh phụ ngâm* do Đặng Trần Côn, diễn Nôm Đoàn Thị Điểm (?) - bài ca dài, lời than thở của người vợ trẻ (chinh phụ) có chồng đi chinh chiến ở xa (chinh phu), khao khát cuộc sống lứa đôi trong hòa bình yên ổn của người phụ nữ.

- Đoạn trích:

+ Tâm trạng cô đơn, buồn khổ của người chinh phụ khi chinh phu xa nhà ra trận; sự đồng cảm sâu sắc của tác giả và dịch giả đối với khát vọng hạnh phúc lứa đôi của người phụ nữ.

+ Qua tâm trạng nhân vật □ nhấn mạnh giá trị nhân đạo, đề cao quyền sống, sự trân trọng, khát vọng hạnh phúc lứa đôi của con người trong khúc ngâm.

*** Nghệ thuật diễn tả tâm trạng của người chinh phụ.**

- **Nỗi cô đơn, buồn nhớ, lẻ bóng, khát khao hạnh phúc lứa đôi của người chinh phụ.**

+ Những động tác của người chinh phụ: *một mình ở nhà, lẻ loi người hiên, đi đi lại lại, quanh quẩn, buông rèm rồi lại cuốn rèm nhiều lần, ...* □ cử chỉ, hành động lặp đi lặp lại ko mục đích, vô nghĩa biểu lộ tâm trạng cô đơn, lẻ loi - tâm trạng bồn chồn, ko yên, mong đợi tin mà chẳng thấy – Nỗi buồn, sự lo lắng nhân lên □ khát khao đồng cảm.

+ Điệp ngữ bắc cầu: *đèn biết chẵng – đèn có biết* đã và sẽ là biện pháp nghệ thuật phổ biến trong đoạn trích và khúc ngâm □ tâm trạng buồn triền miên, kéo dài lê thê trong thời gian và trong không gian dường như ko bao giờ ngừng dứt.

+ Kết hợp câu hỏi tu từ : *đèn biết chẵng, đèn chẵng biết* □ lời than thở, nỗi khắc khoải đợi chờ và hi vọng, trong nàng day dứt không yên. Tâm trạng nhân vật trữ tình đã chuyển giọng tự nhiên từ lời kể bên ngoài thành lời tự độc thoại nội tâm da diết, tự dằn vặt, ngâm ngùi, đáng thương.

+ Hình ảnh *ngọn đèn, hoa đèn* cùng hình ảnh cái bóng trên tường của chính mình gợi người đọc nhớ đến hình ảnh ngọn đèn ko tắt trong nỗi nhớ của người thiếu nữ trong bài ca dao quen thuộc: *Đèn thương nhớ ai - mà đèn không tắt ?* --> Trong im lặng dằng dặc, dưới ánh đèn đêm thăm thẳm, chinh phụ trẻ chỉ còn thăm lặng chuyện trò với ngọn đèn, với cái bóng của mình (so với Vũ Nương, còn có bé Đản để chuyện trò – *Chuyện người con gái Nam Xương*)

=> Qua cảnh trí nhà ở và các vật dụng và các bối cảnh xung quanh, có thể khẳng định chinh phụ không phải chịu nỗi khổ thiếu thốn về vật chất hay bị bóc lột về lao động như phụ nữ bình dân => Nỗi khổ về tinh thần, tình cảm: khao khát tình yêu, hạnh phúc lứa đôi. Đoạn trích miêu tả tâm trạng cô đơn, đau xót, cả khát vọng hạnh phúc và ngập trong nỗi buồn chán nản của người chinh phụ sau khi tiễn chồng ra trận.

- Nỗi buồn rầu, thương nhớ, cô đơn, sầu muộn triền miên của người chinh phụ.-

+ Dùng cảnh vật thiên nhiên, tự nhiên để diễn tả tâm trạng, dùng cái khách quan để tả cái chủ quan- biện pháp quen thuộc của văn chương trữ tình trung đại nối tiếp các động tác trữ tình lặp đi lặp lại.

+ *tiếng gà gáy eo óc*: báo hiệu canh năm, ấn tượng vắng vẻ, tịch mịch, đêm thăm thẳm □ báo hiệu người vợ trẻ xa chồng đã thao thức suốt đêm.

+ *bóng cây hòe*: ngoài sân trong đêm ngán rồi dài □ thời gian xa cách và nhớ thương- tg tâm trạng- một khắc, một giờ dài như một năm □ gợi cảm giác hoang vắng, cô đơn, đáng sợ.

+ Biện pháp so sánh quen thuộc: “*đằng đẳng như niên*”, “*đằng dặc tựa miền biển xa*” □ Người chinh phụ đếm từng bước thời gian nặng nề trôi mà cảm nhận □ nỗi buồn đau nặng trĩu, kéo dài theo thời gian, bao trùm lên không gian mênh mông -> nỗi nhớ càng tha thiết, đau đáu.

+ Hàng loạt từ *gượng* kết hợp với các động từ *gảy, soi, đốt...* gắn liền với các đồ vật *đàn, hương, gương* – những thú vui tao nhã, thói quen trang điểm của người phụ nữ giờ tiến hành miễn cưỡng, gượng gạo

□ *đốt hương*: để tìm sự thanh thản, song tâm hồn lại mê man, bấn loạn

□ *soi gương*: để trang điểm, song nhìn thấy khuôn mặt mình lại ứa nước mắt.

□ *gảy đàn*: nhạc cụ gợi sự gắn bó lứa đôi □ sợ dây đàn bị chùng đứt vì người xưa xem đó là điềm gở, báo hiệu sự ko hay trong tình vợ chồng □ dây đàn, gảy đàn chỉ nhắc cảnh chia li và nỗi lo chia lìa ám ảnh day dứt, phím chùng...

=> Vẫn là những biện pháp nghệ thuật, các hình ảnh ẩn dụ tượng trưng mang tính ước lệ của thi pháp trữ tình trung đại bóng bẩy, sang trọng và cổ kính nhưng ở đây người đọc vẫn thấy sự chân thật trong thể hiện một tâm trạng □ Sầu không được giải tỏa mà còn nặng nề hơn.

- Nỗi nhớ thương đau đáu

+ Sự chuyển biến của tâm trạng: Theo lô gíc diễn biến tâm trạng, người chinh phụ tất nhiên cuối cùng sẽ gửi lại tất cả nỗi niềm thương nhớ, niềm khao khát cháy bỏng đến nơi chồng – chinh phu đang chinh chiến tận nơi nào thăm thẳm mà chính nàng chỉ có thể hình dung bằng hình ảnh ước lệ *non Yên* (núi Yên Nhiên tận phương Bắc xa xăm) cần phải mượn gió đông mới có thể chuyển tấm lòng nghìn vàng nhớ thương trân trọng.

+ Hình ảnh thiên nhiên tả không gian:

□ Không gian có tầm vóc vũ trụ với các hình ảnh núi non, trời đất:

đường lên trời thăm thăm, trời thăm thăm xa vời gợi sự mênh mông không giới hạn. Đây ko chỉ là không gian vô tận ngăn cách hai vợ chồng mà còn là nỗi nhớ không nguôi, ko tính đếm được của nàng, là tình yêu thương của người vợ ở quê nhà – niềm khao khát của người chinh phụ không được đền đáp vì sự xa cách về không gian quá lớn.

□ Cảnh lạnh lẽo với hình ảnh sương gió, mưa, tiếng côn trùng => gợi sự cô đơn, buồn nhớ - tấm lòng đau đáu, tha thiết ko nguôi như nhuốm vào giọt mưa, giọt sương, đều đều, miên man trong tiếng côn trùng ra rả.

+ Câu thơ mang tính khái quát, triết lí về một quy luật: “*Cảnh buồn ...lòng*” gợi nhớ câu Kiều sâu sắc mà uyển chuyển hơn, có thể cũng được gợi ra từ cùng một nguồn: “*Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu? – Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ?*”

=> Từ lời thơ đoạn trích lại chuyển sang độc thoại nội tâm, trực tiếp bày tỏ nỗi lòng chinh phụ với hình ảnh chinh phu tràn ngập trong tâm tưởng.

*** Diễn biến tâm trạng của người chinh phụ trong đoạn trích:**

- Cô đơn - buồn rầu - đau xót – n hớ thương - khao khát - cô đơn – buồn rầu,...
- Các biện pháp nghệ thuật biểu hiện tâm trạng: *cử chỉ, hành động lặp đi lặp lại; điệp từ, điệp ngữ vòng tròn, hình ảnh thiên nhiên, so sánh, ẩn dụ tượng trưng, ước lệ, câu hỏi tu từ, ... chuyển lời kể tự nhiên, khéo léo.*

*** Ý nghĩa tư tưởng:**

- Đồng cảm với khao khát hạnh phúc lứa đôi của người phụ nữ - giá trị nhân văn nhân đạo của khúc ngâm
- Gián tiếp lên án chiến tranh phong kiến chia rẽ tình cảm gia đình, gây nên bao tấn bi kịch tinh thần cho con người.

=> Sự cảm thông sâu sắc của tác giả với tâm đau khổ của người chinh phụ khi phải sống trong cảnh lẻ loi, cô đơn

+ Ghi lại nỗi cô đơn buồn khổ của người chinh phụ trong tình cảnh chia lìa; đề cao hạnh phúc lứa đôi.

+ Tiếng nói tố cáo chiến tranh phong kiến chia rẽ tình cảm gia đình, gây bao tấn bi kịch tinh thần cho con người □ tiếng nói phản ánh cuộc chiến tranh phi nghĩa □ truyền thống nhân đạo của tác phẩm.

